



BẢN CHẤT ĐANG THAY ĐỔI CỦA QUYỀN LỰC

Nguồn: Nye, Joseph S. “The Changing Nature of Power” (Chapter 1) in J.S. Nye, *Soft Power: The Means to Success in World Politics* (New York: PublicAffairs, 2004), pp. 1-32.

Biên dịch: Vũ Trọng Cường | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Hơn bốn thế kỷ về trước, Nicolo Machiavelli khuyên răn các quân vương nước Ý rằng thà để thiên hạ sợ mình hơn là yêu mình. Nhưng trong thế giới ngày nay, có được cả hai điều này là hay hơn cả. Giành được trái tim và khối óc của quần chúng lúc nào cũng là điều thiết yếu, và trong thế giới thông tin toàn cầu ngày nay, nó còn quan trọng hơn bao giờ hết. Thông tin là sức mạnh, và công nghệ thông tin ngày nay quảng bá tin tức đến đại chúng một cách rộng rãi hơn bao giờ hết. Tuy vậy, các nhà lãnh đạo hầu như chỉ bỏ ra rất ít thời gian để suy nghiệm bản chất của quyền lực đã thay đổi ra sao, và cụ thể hơn, là làm sao hội nhập các khía cạnh “mềm” vào sách lược sử dụng quyền lực của họ.

Quyền lực là gì?

Quyền lực cũng như thời tiết. Ai cũng phụ thuộc vào nó, bàn về nó nhưng chẳng mấy ai hiểu được nó. Cũng như nông gia và các nhà khí tượng học tìm mọi cách để dự báo thời tiết, các lãnh tụ và nhà phân tích chính trị cố gắng miêu tả và dự đoán thay đổi trong các mối quan hệ quyền lực. Quyền lực cũng như tình yêu, khó định nghĩa hay đo lường hơn là cảm nhận, nhưng không có nghĩa là nó không tồn tại. Theo định nghĩa trong từ điển, quyền lực là khả năng làm được việc gì đó. Ở mức định nghĩa tổng quan này, quyền lực có nghĩa là khả năng đạt được kết quả mà mình mong muốn. Định nghĩa trong từ điển cũng cho rằng quyền lực là khả năng tác động hành vi của người khác để cho những điều này xảy ra. Hợp nhất các định nghĩa này một cách cụ thể hơn, quyền lực là khả năng gây ảnh hưởng lên hành vi của người khác để đạt được kết quả mình mong muốn. Có nhiều cách khác nhau tác động lên hành vi

con người. Có thể đe dọa cưỡng ép, có thể dụ dỗ mua chuộc, hay cũng có thể khuyến dụ họ hợp tác vì cả hai bên cùng chung mục đích.

Có người nhận thức một cách hạn hẹp về quyền lực; theo họ, chỉ có quyền chỉ huy hay quyền cưỡng chế. Điều này xảy ra khi bạn buộc người ta thực hiện những hành vi mà trong hoàn cảnh bình thường họ không thường làm như vậy.¹ Bạn hô “Nhảy!” là họ nhảy. Đây có vẻ như là một trải nghiệm hết sức đơn giản về quyền lực, nhưng thực ra sự việc không đơn giản chút nào. Ví dụ nếu những người dưới quyền chỉ huy của bạn vốn đã thích nhảy nhót như đám con nít cháu tôi thì sao? Khi chúng ta đo lường quyền lực dựa trên những biến đổi trong hành vi của người khác, trước hết ta phải biết sở thích của họ. Nếu không, chúng ta sẽ phạm sai lầm khi đánh giá quyền lực, tựa như chú gà trống tưởng rằng tiếng gáy của mình làm mặt trời mọc. Quyền lực có thể tan biến dễ dàng khi hoàn cảnh thay đổi. Đứa bé bắt nạt bạn bè mình ngoài sân chơi, buộc chúng phải nhảy nhót theo ý mình, sẽ nhanh chóng mất quyền lực khi hết giờ ra chơi, và cả lớp trở lại môi trường có kỷ luật chặt chẽ. Một nhà độc tài tàn bạo có thể giam cầm hoặc hành hình một nhà bất đồng chính kiến, nhưng điều đó không chứng tỏ là nhà độc tài có nhiều quyền lực, đặc biệt khi người bất đồng chính kiến sẵn sàng tử vì đạo. Quyền lực luôn luôn phụ thuộc vào bối cảnh trong đó các mối quan hệ tồn tại với nhau.²

Thường rất khó khăn để có thể tiên liệu hành vi người khác khi ta không hiện diện để chỉ huy họ. Nhưng hơn thế nữa, như chúng ta sẽ thấy sau đây, có khi chúng ta đạt được ước nguyện của mình qua ảnh hưởng hành vi của họ mà không cần chỉ huy họ. Nếu bạn tin rằng mục đích của tôi là chính đáng, tôi có thể thuyết phục bạn ủng hộ tôi mà tôi không cần đe dọa hoặc mua chuộc bạn. Ta có thể đạt được những hệ quả mình mong muốn mà không cần có quyền lực rõ ràng đối với họ. Ví dụ một số tín đồ Thiên Chúa Giáo tuân thủ theo lời răn dạy của Đức Giáo Hoàng về án tử hình không phải vì họ sợ rút phép thông công mà vì tôn trọng thẩm quyền đạo đức của ngài. Hoặc một số người theo Hồi giáo chính thống có khuynh hướng đồng tình với các hoạt động của Osama bin Laden không phải vì bị đe dọa hay mua chuộc mà vì họ tin các mục đích đấy là chính đáng.

Các chính trị gia thực dụng và người thường cho rằng những vấn đề về hành xử và động lực là quá phức tạp. Vì vậy, họ dùng một định nghĩa thứ hai về quyền lực và xem nó đơn giản là sự sở hữu khả năng hoặc nguồn lực có thể tác động đến hệ quả mong muốn. Do đó, họ cho một quốc gia là hùng mạnh nếu nó có khá đông dân số và nhiều đất đai, tài nguyên thiên nhiên phong phú, kinh tế phồn vinh, quân đội hùng hậu, và xã hội ổn định. Tác dụng của định nghĩa thứ hai này là làm cho khái niệm quyền lực trở nên cụ thể hơn, dễ đo lường và dự đoán hơn. Nhưng định nghĩa này có một số vấn đề. Khi quyền lực được xem là đồng nghĩa với nguồn lực tạo ra nó, sẽ xuất hiện nghịch lý là người có nhiều quyền lực không phải lúc nào cũng đạt được hệ quả mong muốn.

Nguồn lực của quyền lực không dễ chuyển hóa thành kết quả mong muốn giống như tiền bạc. Sức mạnh để chiến thắng trong một trò chơi này có thể chẳng có tác dụng gì trong

một trò chơi khác. Cầm trong tay những lá bài tốt theo kiểu chơi *poker* trong khi bạn lại đang chơi trò *bridge* thì chẳng giúp được gì.³ Ngay cả khi bạn đang chơi *poker*, nếu bạn có bài tốt nhưng không biết chơi đúng cách thì bạn vẫn thua như thường. Có sẵn nguồn lực để tạo ra quyền lực không hề bảo đảm là lúc nào bạn cũng đạt được ý nguyện của mình. Một ví dụ khác là cuộc chiến Việt Nam. Xét về tài nguyên, Hoa Kỳ vượt xa Việt Nam, nhưng rốt cuộc họ thất bại trong cuộc chiến này. Và Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất trên thế giới vào năm 2001, thế nhưng họ đã không thể ngăn chặn thảm hoạ ngày 11 tháng 9.

Biến đổi nguồn lực thành quyền lực theo nghĩa đạt được ước nguyện của mình đòi hỏi phải có chiến lược bài bản và tài lãnh đạo khéo léo. Tuy nhiên, chiến lược thường không thoả đáng và lãnh đạo hay sai lầm – ví dụ điển hình là các nước Nhật Bản và nước Đức vào năm 1941, hay Saddam Hussein năm 1990. Trong bất cứ trò chơi nào, đánh giá được ai có tay bài tốt thường là bước đi đầu tiên. Quan trọng không kém là hiểu được trò chơi đó. Nguồn lực nào tạo ra hành vi quyền lực trong một bối cảnh cụ thể? Dầu hoả không phải là một nguồn lực đáng kể trước khi có công nghiệp hoá; uranium cũng chẳng hề quan trọng khi thời đại hạt nhân chưa ra đời.

Trong những giai đoạn trước đây, chúng ta dễ dàng đánh giá nguồn lực tạo nên quyền lực trên trường quốc tế. Phép kiểm chứng kinh điển đối với một siêu cường trên chính trường quốc tế là “sức mạnh tham chiến.”⁴ Trải qua nhiều thế kỷ, với tiến bộ của khoa học kỹ thuật, nguồn lực tạo ra sức mạnh tham chiến cũng đã thay đổi. Ví dụ như vào thế kỷ 18 ở châu Âu, dân số là một nguồn lực quan trọng vì đó là cơ sở để thu thuế và tuyển mộ binh sĩ. Vào năm 1815 khi kết thúc các cuộc Chiến tranh Napoleon, nước Phổ đưa ra trước các đồng minh thắng trận tại Hội nghị Viên một kế hoạch tỉ mỉ về việc tái thiết cùng với việc chuyển giao lại lãnh thổ và dân số để duy trì cán cân quyền lực với nước Pháp. Vào giai đoạn tiền dân tộc chủ nghĩa, họ chẳng cần quan tâm những người phải di dân không hề nói tiếng Đức. Tuy nhiên, trong vòng năm mươi năm sau, chủ nghĩa dân tộc phát triển nhanh chóng, và việc nước Đức chiếm đóng Alsace và Lorraine của Pháp năm 1870 trở thành một trong những lý do gây ra Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Các tỉnh bị chia cắt, trước đây được xem là tài sản, thì nay đã trở thành món nợ trong bối cảnh chủ nghĩa dân tộc lên cao. Nói tóm lại, không thể đánh giá nguồn lực tạo quyền lực mà không xem xét đến bối cảnh. Trước khi bạn xét đoán ai có bài tốt, bạn cần phải hiểu bạn đang chơi trò chơi nào và giá trị của các lá bài thay đổi ra sao.

Ví dụ sự phân phối nguồn lực tạo quyền lực trong thời đại thông tin ngày nay biến đổi rất nhiều tùy theo từng vấn đề. Chúng ta thường nghe nói là Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất trong một thế giới “đơn cực”. Nhưng bối cảnh ngày nay phức tạp hơn ta tưởng nhiều. Nghị trình trên chính trường quốc tế trở nên giống như ván cờ vua ba chiều; để thắng được ván cờ này phải đi quân trên cả hàng dọc và hàng ngang. Trên bàn cờ thứ nhất là các vấn đề quân sự kinh điển giữa các quốc gia; Hoa Kỳ quả thực vẫn là siêu cường duy nhất với tầm hoạt động quân sự toàn cầu, và trên bình diện này ta có thể dùng những khái niệm truyền

thống như đơn cực và bá chủ. Tuy nhiên trên bàn cờ thứ hai về các vấn đề kinh tế giữa các quốc gia, sự phân phối quyền lực trở nên đa cực. Hoa Kỳ không thể đạt được kết quả mong muốn về mậu dịch, chống độc quyền, hoặc điều tiết tài chính nếu không có sự thoả thuận với Liên minh Châu Âu, Nhật, Trung Quốc và các nước khác. Vì vậy không thể xem Hoa Kỳ là bá chủ. Trên bàn cờ thứ ba liên quan đến các vấn đề liên quốc gia như khủng bố, tội phạm quốc tế, biến đổi khí hậu, và sự lây lan các căn bệnh truyền nhiễm, quyền lực được phân phối rộng rãi và tổ chức khá hỗn độn giữa các thành tố quốc gia và phi quốc gia. Trên bình diện này thì càng không thể nói rằng đây là một thế giới đơn cực hay Hoa Kỳ là một đế chế - cho dù có sự tuyên truyền từ cả hai phía tả và hữu. Và đây là phạm trù những vấn đề đang xâm nhập vào thế giới đại chiến lược. Thế nhưng nhiều lãnh đạo chính trị vẫn còn đang tập trung hoàn toàn vào các nguồn lực quân sự và các giải pháp quân sự kinh điển – vốn nằm trên bàn cờ thứ nhất. Họ làm lẫn điều kiện cần với điều kiện đủ. Họ vẫn chỉ là những đấu thủ một chiều trong cuộc chơi ba chiều. Xét về lâu dài, đó là con đường dẫn đến thất bại, vì để đạt được thắng lợi trên bàn cờ liên quốc gia thứ ba đòi hỏi phải dùng đến quyền lực mềm.

Quyền lực mềm

Ai cũng đã quen thuộc với quyền lực cứng. Chúng ta hiểu rằng sức mạnh về kinh tế và quân sự có thể khiến đối tác thay đổi lập trường của họ. Quyền lực cứng dựa trên sự khuyến dụ (“củ cà rốt”) hay đe dọa (“cây gậy”). Nhưng đôi khi bạn có thể đạt được ước nguyện mà không cần đe dọa hay dụ dỗ. Cách gián tiếp để đạt được ước nguyện có khi còn được gọi là “bộ mặt thứ hai của quyền lực.” Một quốc gia có thể đạt được ước nguyện của mình trên trường quốc tế bởi vì các quốc gia khác - vốn ngưỡng mộ các giá trị của nó, noi theo tấm gương của quốc gia này, ước muốn có được sự phồn vinh và cởi mở như vậy - muốn đi theo bước chân của quốc gia đó. Hiểu theo nghĩa này, chúng ta thấy được tầm quan trọng về việc sắp đặt các nghị trình và thuyết phục các quốc gia khác trên chính trường quốc tế, chứ không phải buộc họ phải thay đổi bằng cách đe dọa sử dụng sức mạnh quân sự hoặc cấm vận kinh tế. Quyền lực mềm, vốn lôi cuốn các đối tác mong muốn đạt được điều mà bạn cũng muốn, tạo điều kiện để hợp tác hơn là cưỡng chế.⁵

Nền tảng của quyền lực mềm là khả năng định hình ý muốn của đối tác. Ở mức độ cá nhân, chúng ta ai cũng quen thuộc với sức mạnh của sự quyến rũ và cám dỗ. Trong quan hệ lứa đôi hay hôn nhân, quyền lực không nhất thiết nằm trong tay người có sức mạnh hơn, mà trái lại phụ thuộc vào sự quyến rũ huyền bí. Trong thế giới thương trường, các quản trị gia khôn ngoan hiểu rằng tài lãnh đạo không chỉ đơn thuần là phát ra mệnh lệnh mà còn đòi hỏi họ phải làm gương và cuốn hút nhân viên để cho họ cũng mong muốn đạt được thành quả như các nhà lãnh đạo đã muốn. Rất khó có thể điều hành một tổ chức thuần túy thông qua mệnh lệnh. Bạn cũng cần các thành viên tin vào các giá trị của bạn. Tương tự như thế, các biện pháp cảnh sát dựa vào cộng đồng ngày nay phụ thuộc vào việc lực lượng cảnh sát có tổ

ra thân thiện và dễ mến nhằm khuyến khích cộng đồng giúp họ đạt được các mục tiêu chung hay không.⁶

Các lãnh đạo chính trị từ lâu đã hiểu được sức mạnh phát xuất từ sự quyến rũ. Nếu tôi có thể khiến bạn muốn làm điều tôi muốn, tôi không cần dùng đến củ cà rốt hay cây gậy để bạn phải làm theo ý tôi. Trong khi lãnh đạo tại các quốc gia theo chính thể độc đoán thường hay cưỡng chế hay phát hành mệnh lệnh, chính trị gia tại các quốc gia dân chủ phải dựa vào sự kết hợp giữa khích lệ và thu hút. Quyền lực mềm là thành tố không thể thiếu được trong chính trị thường ngày trong xã hội dân chủ. Để có thể định hình được ý muốn, người ta cho rằng phải tồn tại các kỹ năng trừu tượng như cá tính thu hút, văn hoá, các giá trị và thể chế chính trị, các chính sách được xem là hợp lệ hay có thẩm quyền đạo đức. Nếu nhà lãnh đạo đại diện các giá trị mà những người khác cũng muốn tuân theo, ông ta không phải tốn nhiều công sức để lãnh đạo họ.

Quyền lực mềm không đơn thuần đồng nghĩa với ảnh hưởng. Bởi vì dù sao ảnh hưởng cũng có thể xuất phát từ quyền lực cứng bằng răn đe hay mua chuộc. Quyền lực mềm cũng hàm chứa nhiều hơn là tính thuyết phục hay khả năng tranh biện, mặc dù đây là một trong những thành tố quan trọng. Nó cũng là năng lực thu hút, và sự thu hút thường dẫn đến chấp thuận. Nói một cách đơn giản, xét về ứng xử, quyền lực mềm là quyền lực quyến rũ. Xét về nguồn lực thì nguồn lực tạo ra quyền lực mềm là những tài sản giúp gây được sự quyến rũ nói trên. Việc đánh giá xem một tài sản có phải là nguồn lực của quyền lực mềm vốn có khả năng quyến rũ có thể được thực hiện thông khảo sát ý kiến hoặc phỏng vấn các nhóm đại diện. Sự quyến rũ đó có tạo ra được hiệu quả chính sách mong muốn hay không phải được xét đoán riêng. Sự quyến rũ không nhất thiết sẽ định hình được ý muốn của người khác, nhưng việc các nguồn lực của quyền lực không thể chuyển hóa được thành quyền lực thực tế thể hiện ở kết quả cụ thể không phải chỉ xảy ra đối với quyền lực mềm. Trước ngày nước Pháp thất thủ vào năm 1940, hai quốc gia Anh và Pháp có nhiều xe tăng hơn Đức, nhưng ưu thế sức mạnh quân sự đó không thể tiên liệu đúng kết quả trận đánh.

Một cách hiểu khác về sự khác biệt giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm là xem xét tất cả các phương cách được dùng để đạt được kết quả mong muốn. Bạn có thể ra lệnh cho tôi thay đổi ý muốn của tôi và làm theo ý muốn của bạn bằng vũ lực hoặc trừng phạt kinh tế. Bạn có thể dụ dỗ tôi làm theo ý bạn bằng cách dùng sức mạnh kinh tế của bạn để mua chuộc tôi. Bạn có thể hạn chế các ước nguyện của tôi bằng cách sắp xếp lịch trình sao cho những nguyện vọng này có vẻ như quá ngông cuồng và trở nên không thực tế nữa. Hay bạn cũng có thể kêu gọi ý thức về tính quyến rũ, tình yêu, hay bổn phận trong quan hệ đôi bên và ý thức về giá trị chung mà hai bên cùng chia sẻ, về sự công bằng khi cả hai bên cùng đóng góp cho những mục đích và giá trị chung này.⁷ Nếu bạn thuyết phục được tôi cùng chia sẻ các mục đích của bạn mà không hăm dọa hay đổi chác – nói tóm lại, hành vi của tôi chịu tác động của sự quyến rũ tuy không nắm bắt được nhưng quan sát được – đó là lúc quyền lực mềm đang được vận hành. Quyền lực mềm sử dụng một loại tiền tệ khác (không

phải sức mạnh, cũng không phải tiền bạc) để sản sinh ra sự hợp tác - sự quyến rũ của các giá trị hai bên cùng chia sẻ, sự công bằng và bốn phần đóng góp để đạt được mục đích chung. Cũng như Adam Smith từng nhận định: dường như có một bàn tay vô hình dẫn dắt con người khi họ đưa ra các quyết định trong một nền kinh tế tự do; quyết định của chúng ta trong thị trường ý tưởng thường được dẫn dắt bởi quyền lực mềm - sự quyến rũ vô hình thuyết phục chúng ta theo đuổi mục đích của người khác khi không hề bị hăm dọa hay mua chuộc.

Quyền lực cứng và quyền lực mềm liên hệ với nhau vì đây là hai khía cạnh của cùng một năng lực nhằm đạt được mục tiêu qua ảnh hưởng lên hành vi người khác. Hai dạng quyền lực chỉ khác nhau về mức độ, xét về bản chất hành vi và tính hữu hình của nguồn lực. Quyền năng chỉ huy - khả năng thay đổi những điều người khác làm được - dựa vào cường chế hay dụ dỗ. Quyền năng thu phục - khả năng định hình những điều người khác muốn có - dựa vào tính thu hút về văn hoá và các giá trị, hay năng lực thao túng nghị trình các chọn lựa chính trị một cách khéo léo khiến cho các đối tác tự từ bỏ một số chọn lựa của mình vì chúng không tỏ ra thực tế. Các định dạng hành vi giữa quyền năng chỉ huy và quyền năng thu phục nằm trong phổ từ cường chế, đến dụ dỗ kinh tế, đến thiết lập nghị trình (để người khác tự tuân theo- ND), đến thuần quyến rũ. Quyền lực mềm thường thiên về phía quyền năng thu phục trên phổ định dạng hành vi trên, trong khi quyền lực cứng thường gắn với xu hướng hành vi mệnh lệnh. Mối quan hệ này không phải là hoàn hảo. Ví dụ, đôi khi một số quốc gia bị thu hút bởi các quốc gia có quyền năng chỉ huy qua huyền thoại bất khả chiến bại, và quyền năng chỉ huy đôi khi tạo dựng nên các thể chế mà sau nay được công nhận là hợp pháp. Một nền kinh tế hùng cường không những có nguồn lực để chế tài và thưởng phạt mà còn tạo ra sức thu hút. Tuy nhiên, nói chung mối liên hệ tổng quan giữa các định dạng hành vi và các nguồn lực tỏ ra khá ổn định để chúng ta có thể dùng bảng tham khảo tóm tắt sau đây:⁸

| | CỨNG | MỀM |
|--------------------------|--|--|
| Chuỗi hành vi | Cường chế Dụ dỗ CHỈ HUY | Lên lịch trình Quyến rũ THU PHỤC |
| Nguồn lực thích hợp nhất | Vũ lực Trà công Cấm vận Mua chuộc | Thể chế Giá trị Văn hoá Chính sách |

QUYỀN LỰC

Trên chính trường quốc tế, nguồn lực sản sinh ra quyền lực mềm thường xuất phát từ các giá trị mà một tổ chức hoặc quốc gia thể hiện qua nền văn hoá, qua những ví dụ đưa ra qua phương thức hoạt động và chính sách trong nước cũng như phương pháp xử lý các mối

quan hệ bên ngoài. Đôi khi nhà nước gặp khó khăn khi muốn kiểm soát và vận dụng quyền lực mềm. Điều đó không có nghĩa là quyền lực mềm bị giảm thiểu tầm quan trọng. Một vị cựu bộ trưởng ngoại giao Pháp đã nhận xét rằng người Mỹ có nhiều quyền lực vì họ có thể “tạo niềm cảm hứng của những ước mơ và khao khát, qua cách sử dụng thành thạo những hình tượng quốc tế trong phim ảnh và truyền hình, và cũng chính vì lý do này, đại đa số sinh viên nước ngoài đã đến học tập tại Hoa Kỳ.”⁹ Quyền lực mềm là một thực tại quan trọng. Ngay cả nhà hiện thực vĩ đại người Anh E. H. Carr vào năm 1939 đã mô tả quyền lực quốc tế dưới ba phạm trù: quân sự, kinh tế và sức mạnh tạo dư luận.¹⁰ Những ai phủ nhận tầm quan trọng của quyền lực mềm là người không hiểu được sức mạnh của sự cám dỗ.

Trong một cuộc gặp gỡ với Tổng thống John F. Kennedy, chính trị gia lão thành John J. McCloy dùng dùng nỗi cơn thịnh nộ vì ông cho rằng chính quyền quan tâm quá đáng đến tính phổ cập và thu hút trên chính trường quốc tế: “Ý kiến thế giới ư? Tôi không tin vào ý kiến thế giới. Điều duy nhất ta cần quan tâm là quyền lực.” Nhưng cũng giống như Woodrow Wilson và Franklin Roosevelt, Kennedy hiểu rằng khả năng quyên rũ người khác và dịch chuyển ý kiến là một thành tố tạo nên quyền lực.¹¹ Ông hiểu được tầm quan trọng của quyền lực mềm.

Như đã đề cập ở trên, cũng cùng một nguồn lực có thể ảnh hưởng cả chuỗi hành vi đi từ cưỡng chế đến quyên rũ. Một quốc gia đang trải qua giai đoạn suy thoái về quân sự lẫn kinh tế không những đánh mất nguồn lực tạo nên quyền lực cứng mà cả một phần năng lực định hình các lịch trình quốc tế cũng như tính quyên rũ của họ. Một số quốc gia bị thu hút bởi các quốc gia có quyền lực cứng qua huyền thoại bất khả chiến bại và tính thiên định. Cả Hitler và Stalin đều nỗ lực xây dựng những huyền thoại trên. Quyền lực cứng cũng có thể được dùng để kiến lập đế chế và các thể chế nhằm đặt ra lịch trình nghị sự cho các tiểu quốc – ví dụ như Liên Xô đã từng cai trị các quốc gia trong khối Đông Âu. Tổng thống Kennedy đã tỏ ra quan ngại đúng đắn khi ông thấy rằng mặc dù qua các cuộc trưng cầu dân ý, Hoa Kỳ được lòng dân hơn, nhưng nó cũng cho thấy đa số công chúng cho rằng Liên Xô vượt trội hơn trong chương trình thám hiểm vũ trụ và sức mạnh vũ khí hạt nhân.¹²

Quyền lực mềm không phụ thuộc vào quyền lực cứng. Toà thánh Vatican đương nhiên có quyền lực mềm cho dù Stalin đã từng mỉa mai với câu hỏi, “Đức Giáo Hoàng có được mấy sư đoàn trong tay?” Đã có một thời Liên Xô có rất nhiều quyền lực mềm, nhưng nó đã đánh mất ít nhiều quyền lực này sau khi xâm lăng Hungary và Tiệp Khắc. Quyền lực mềm của chính quyền Liên Xô tiếp tục suy giảm mặc dù nguồn lực cứng về kinh tế và quân sự ngày càng gia tăng. Do thực thi các chính sách tàn bạo, quyền lực cứng của Liên Xô đã làm suy yếu quyền lực mềm của chính họ. Trái lại, quyền lực mềm ở một mức độ nào đó đã củng cố tầm ảnh hưởng của chính quyền Liên Xô tại Phần Lan. Cũng tương tự, quyền lực mềm đã củng cố tầm ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại các quốc gia Nam Mỹ trong thập niên 1930 khi Tổng thống Franklin Roosevelt đưa quyền lực mềm vào “chính sách láng giềng tốt.”¹³

Đôi khi các quốc gia có được thế lực chính trị rộng lớn hơn cả sức mạnh kinh tế và quân sự mà họ sở hữu; điều đó ngụ ý là các quốc gia này đã xác định lợi ích quốc gia của họ phải bao gồm những mục đích thu hút như viện trợ kinh tế và giữ gìn hoà bình. Ví dụ như trong hai thập niên qua, Na Uy đã đóng góp công sức vào những cuộc đàm phán hoà bình tại Philippines, bán đảo Balkan, Columbia, Guatemala, Sri Lanka, và khu vực Trung Đông. Người dân Na Uy cho rằng đây là di sản nền văn hoá truyền giáo đạo Luther của họ, nhưng đồng thời, việc đảm nhiệm tư cách của một lực lượng giữ gìn hoà bình cũng đồng nhất quốc gia này với các giá trị mà những quốc gia khác cùng chia sẻ, và do vậy, đã nâng cao quyền lực mềm của Na Uy. Bộ trưởng Ngoại giao Jan Peterson lập luận rằng “chúng tôi quả thực dễ có cơ hội tiếp cận hơn,” vì ông cho rằng vị trí của Na Uy tại nhiều cuộc đàm phán đã nâng cao tính hữu ích và giá trị của họ đối với các quốc gia lớn hơn.¹⁴

Michael Ignatieff cũng mô tả vị trí của Canada từ một góc nhìn tương tự: “Ảnh hưởng xuất phát từ ba phạm trù: thẩm quyền đạo đức với tư cách một công dân tốt mà chúng ta có ít nhiều, khả năng quân sự mà chúng ta có ít hơn nhiều, và khả năng tương trợ cộng đồng quốc tế.” Đề cập đến Hoa Kỳ, ông cho rằng “chúng ta có cái mà họ muốn. Họ cần có tính chính danh.”¹⁵ Đó chính là tiền đề gia tăng ảnh hưởng của Canada khi họ cần thương lượng với người hàng xóm khổng lồ Hoa Kỳ. Chính phủ Ba Lan quyết định gửi quân đến Iraq trong thời hậu chiến không chỉ nhằm được Hoa Kỳ ủng hộ mà còn là phương cách tạo dựng lên một hình ảnh tích cực về Ba Lan trên trường quốc tế. Khi chính quyền Taliban sụp đổ tại Afghanistan vào năm 2001, Bộ Trưởng Ngoại Giao của Ấn Độ bay đến Kabul để chúc mừng tân chính phủ lâm thời. Trên chuyến bay này, họ không mang theo theo vũ khí hay lương thực, mà chất đầy băng hình phim ảnh và âm nhạc của Bollywood được nhanh chóng phân phát sau đó trong khắp thành phố.¹⁶ Trong chương ba tới, chúng ta sẽ thấy rằng nhiều quốc gia có sẵn nguồn lực sản sinh ra quyền lực mềm.

Các thể chế cũng có thể nâng cao quyền lực mềm của một quốc gia. Ví dụ như Anh Quốc trong thế kỷ 19 và Hoa Kỳ vào thời kỳ nửa sau thế kỷ 20 đã triển khai các giá trị của họ thông qua xây dựng các luật lệ và thể chế quốc tế phản ánh bản chất dân chủ tự do của nền kinh tế Hoa Kỳ và Anh Quốc: trong trường hợp Anh Quốc là sự tự do mậu dịch và nền kim bản vị; trong trường hợp Hoa Kỳ là các thể chế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Tổ chức Mậu dịch Thế giới, và Liên Hiệp Quốc. Khi các quốc gia chứng tỏ sức mạnh có tính chính đáng, họ sẽ không bị đối kháng khi thực thi nguyện vọng của mình. Nếu nền văn hóa và ý thức hệ của một quốc gia tỏ ra hấp dẫn, các quốc gia khác sẽ dễ dàng đi theo họ hơn. Nếu một quốc gia có thể định hình những luật lệ quốc tế tương thích với lợi ích và giá trị của quốc gia đó, hành động của họ sẽ hợp pháp hơn dưới cái nhìn của các nước khác. Nếu họ sử dụng các thể chế này và tuân thủ các luật lệ nhằm khuyến khích các quốc gia khác vận dụng hay hạn chế hoạt động theo chiều hướng mà họ mong muốn, họ sẽ không cần dùng đến củ cà rốt và cây gậy vốn tốn sẽ kém hơn nhiều.

Nguồn lực của quyền lực mềm

Quyền lực mềm của một quốc gia dựa trên ba nguồn lực chính: nền văn hoá (ở những điểm thu hút), giá trị về chính trị (áp dụng trong và ngoài nước), và chính sách đối ngoại (khi được cho là hợp pháp và phù hợp đạo đức).

Chúng ta hãy bắt đầu với văn hoá. Văn hoá bao gồm các giá trị và tập tục vốn đem lại ý nghĩa trong một xã hội. Văn hoá có nhiều biểu hiện khác nhau. Thường người ta hay phân biệt giữa văn hoá cao cấp như văn chương, nghệ thuật, và giáo dục, vốn rất thu hút giới trí thức, và văn hóa đại chúng vốn nhằm giải trí đại đa số quần chúng.

Khi văn hoá của một quốc gia bao gồm những giá trị phổ cập và các chính sách của họ quảng bá các giá trị và quyền lợi mà những quốc gia khác đồng chia sẻ, nền văn hoá sẽ giúp gia tăng khả năng quốc gia đó có thể đạt được ước muốn của mình thông qua các mối quan hệ mang tính thu hút và nghĩa vụ mà nó hình thành. Những giá trị hẹp hòi và các nền văn hoá cục bộ hiếm khi tạo ra được quyền lực mềm. Hoa Kỳ có lợi thế từ một nền văn hoá phổ quát. Nhà biên tập người Đức Josef Joffe đã từng đưa ra luận điểm là quyền lực mềm của Hoa Kỳ còn rộng lớn hơn cả các tài sản quân sự và kinh tế gộp lại. “Văn hoá Mỹ, cho dù là bình dân hay cao cấp, đều tỏa sáng mãnh liệt; điều này chỉ xảy ra trước đây dưới thời đế chế La Mã – nhưng ở đây có một khuynh hướng mới mẻ. Thế lực về văn hoá của La Mã và Liên Xô trước đây dừng lại tại biên giới quân sự của họ. Trong khi đó, quyền lực mềm của Hoa Kỳ thống trị trên một đế chế rộng lớn mà nơi đó mặt trời không hề lặn.”¹⁷

Một số nhà phân tích cho rằng quyền lực mềm chỉ đơn thuần là sức mạnh văn hóa đại chúng. Sai lầm của quan điểm này là đồng hoá quyền lực mềm với các nguồn lực văn hoá được dùng để tạo ra quyền lực này. Họ nhầm lẫn nguồn lực văn hoá với hành vi thu hút. Ví dụ, nhà sử học Niall Ferguson mô tả quyền lực mềm là “những sức mạnh phi truyền thống như các sản phẩm văn hoá và thương mại” và rồi ông phủ nhận nó vì lý do “thực ra, nó rất mềm.”¹⁸ Dĩ nhiên, nước ngọt của hãng Coke và bánh mì Big Macs không nhất thiết cuốn hút nhân dân các nước đạo Hồi khiến họ yêu mến nước Mỹ. Có thông tin cho rằng nhà độc tài Bắc Triều Tiên Kim Jong Il rất thích pizza và phim ảnh Mỹ, nhưng điều đó không ảnh hưởng đến chương trình vũ khí hạt nhân của ông. Rượu ngon, phô mai chua, không bảo đảm nước Pháp sẽ được yêu mến; tính phổ biến của trò chơi Pokemon không hề đảm bảo nước Nhật sẽ đạt được những kết quả mong muốn từ các chính sách của họ.

Điều này không có nghĩa phủ nhận văn hóa đại chúng vốn thường là nguồn lực tạo ra quyền lực mềm. Nhưng như chúng ta đã thấy ở trên, hiệu quả của bất kỳ nguồn lực sức mạnh nào cũng phụ thuộc vào bối cảnh. Xe tăng không còn là sức mạnh quân sự khi dùng nó trong vùng đầm lầy hay rừng rú. Than và sắt không hề là nguồn lực lớn lao khi một quốc gia không có cơ sở công nghiệp hạ tầng. Có những người Serb đi ăn tại nhà hàng McDonald’s nhưng vẫn ủng hộ Milosevic. Nhiều người dân ở Rwanda phạm những tội ác tày trời trong khi mặc áo thun có những biểu trưng của Hoa Kỳ. Phim ảnh Mỹ vốn tạo sự thu

hút cho nước Mỹ tại Trung Hoa hay Nam Mỹ lại cũng có thể gây ra phản cảm và làm suy giảm quyền lực mềm của họ tại Ả-rập Xê-út hay Pakistan. Nhưng nhìn chung, các cuộc trưng cầu dân ý cho thấy nền văn hoá đại chúng của Hoa Kỳ gây ra những ấn tượng như “hùng thú, kỳ lạ, phong phú, mạnh mẽ, tiên phong về hiện đại hoá lẫn sáng tạo.”¹⁹ Những hình này trở nên quyến rũ “trong một thời đại mà người ta muốn tham gia vào một cuộc sống tốt đẹp theo lối Mỹ, ngay cả khi trong quan điểm chính trị, họ ý thức được mặt trái của nước Mỹ về hệ sinh thái, cộng đồng hay sự bất bình đẳng.”²⁰ Ví dụ, trong khi giải thích xu hướng kiện tụng để khẳng định quyền lợi tại Trung Quốc, một nhà hoạt động xã hội trẻ đã nêu ra, “Chúng ta đã xem nhiều phim ảnh Hoa Kỳ, trong đó đầy rẫy những cảnh đám cưới, đám ma, và đi hầu toà. Bởi vậy, bây giờ chúng ta nghĩ rằng đâu có gì là lạ khi trong đời mình cũng ra hầu toà vài lần cho biết.”²¹ Nếu mục đích của Hoa Kỳ là củng cố hệ thống luật pháp tại Trung Quốc, những bộ phim này có lẽ còn hiệu quả hơn cả những bài diễn văn của ngài đại sứ rao giảng về tầm quan trọng của vấn đề pháp trị.

Như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, sự hấp dẫn (hay phản cảm) của văn hoá đại chúng Mỹ tại các khu vực khác nhau và đối với các nhóm khác nhau tạo điều kiện thuận lợi hay bất lợi cho các viên chức Hoa Kỳ quảng bá chính sách của họ. Trong một số trường hợp, ví dụ như Iran, cũng cùng thứ phim ảnh từ Hollywood trong khi gây khó chịu cho giới giáo sĩ hồi giáo lãnh đạo lại rất thu hút giới trẻ. Tại Trung Quốc, văn hoá Mỹ vừa cuốn hút lại vừa bị tẩy chay trong những nhóm người khác nhau.

Thương mại chỉ là một trong những phương cách trao đổi văn hoá. Sự trao đổi văn hoá cũng xảy ra qua liên hệ cá nhân, thăm viếng, và trao đổi. Ý tưởng và giá trị mà Hoa Kỳ xuất khẩu tồn tại trong đầu óc của hơn nửa triệu du học sinh hàng năm học tập tại các trường đại học Hoa Kỳ và sau này trở về quê hương, hay trong đầu óc của những nhà kinh doanh châu Á hồi hương sau khi họ thành đạt tại Thung lũng Silicon – chúng đều dễ dàng thấm thấu trong tầng lớp ưu tú nắm trong tay quyền lực. Đa số các lãnh tụ Trung Quốc đều có con cái được đào tạo tại Hoa Kỳ. Con cái họ sẽ có cái nhìn thực tế về Hoa Kỳ; cái nhìn này thường mâu thuẫn với những hình ảnh biếm họa trong truyền thông chính thức tại Trung Quốc. Cũng tương tự như khi Hoa Kỳ đang cố thuyết phục Tổng thống Pakistan Musharraf thay đổi chính sách của ông và tăng cường hỗ trợ các hoạt động của Hoa Kỳ tại Afghanistan, cuộc trò chuyện với người con trai của ông vốn đang làm việc tại Boston chắc chắn đã giúp ít nhiều cho quyết định của ông.

Chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ cũng là một nguồn lực khác nữa. Ví dụ, vào thập niên 1950, sự phân biệt chủng tộc trong nước làm suy giảm quyền lực mềm của Hoa Kỳ tại châu Phi, và ngày nay án tử hình cũng như luật lệ kiểm soát vũ khí lỏng lẻo làm suy yếu quyền lực mềm của Hoa Kỳ tại châu Âu. Tương tự, chính sách đối ngoại cũng ảnh hưởng mạnh đến quyền lực mềm. Trường hợp điển hình là chính sách về nhân quyền của Tổng thống Jimmy Carter cũng như các nỗ lực của chính phủ nhằm quảng bá dân chủ dưới thời Tổng thống Reagan và Clinton. Tại Argentina vào thập niên 1970, chính phủ quân sự

bác bỏ các chính sách nhân quyền của Mỹ; hai mươi năm sau, những chính sách này đã đem lại cho chính phủ Hoa Kỳ quyền lực mềm đáng kể khi những người theo Tổng thống Peron vốn bị tù đày trước đây lên nắm chính quyền. Chính sách có thể có tác dụng dài hạn cũng như ngắn hạn và thay đổi tùy theo bối cảnh. Hoa Kỳ được xem là quốc gia thân hữu với Argentina vào thập niên 1990 phản ánh chính sách của Tổng thống Jimmy Carter vào thập niên 1970, và nhờ vậy đã khiến cho chính phủ Argentina ủng hộ chính sách Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc và vùng bán đảo Balkan. Dù sao chăng nữa, quyền lực mềm của Hoa Kỳ đã bị xói mòn đáng kể khi bối cảnh thay đổi lần nữa vào thập kỷ sau này khi mà Hoa Kỳ thất bại trong việc cứu trợ nền kinh tế Argentina khi nó sụp đổ.

Chính sách nhà nước có thể tăng cường hoặc phí hoài quyền lực mềm của một quốc gia. Chính sách đối nội lẫn đối ngoại nào tỏ ra đạo đức giả, ngạo mạn, hay cứng đờ với công luận, hoặc dựa trên quan điểm thiên cận phục vụ cho quyền lợi quốc gia, đều có thể hủy hoại quyền lực mềm. Ví dụ như khi trưng cầu ý kiến cho thấy sức thu hút của Hoa Kỳ bị giảm mạnh sau cuộc chiến tranh Iraq vào năm 2003, những người tỏ ra thiếu thiện cảm với Hoa Kỳ nói rằng họ phản đối chính sách của Tổng thống Bush và chính quyền của ông chứ không phải dân chúng Mỹ nói chung. Cho tới nay, họ tách biệt người Mỹ và văn hoá Mỹ với chính sách của chính phủ Mỹ. Dân chúng tại phần lớn các quốc gia vẫn tiếp tục ngưỡng mộ Hoa Kỳ trong các lãnh vực kỹ thuật, âm nhạc, điện ảnh, và truyền hình. Nhưng đại đa số cho hay họ không thích ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Mỹ tại xứ sở họ.²²

Cuộc chiến tranh Iraq năm 2003 không phải là chính sách đầu tiên làm cho Hoa Kỳ không được ưa chuộng. Như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, ba mươi năm trước, nhân dân trên toàn thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam, và vị thế của Hoa Kỳ phản ánh tính bất cập của các chính sách thời bấy giờ. Sau này, khi Hoa Kỳ thay đổi chính sách của họ và ký ức cuộc chiến tranh đã đi vào quá khứ, Hoa Kỳ thu hồi lại được đa phần quyền lực mềm đã bị đánh mất trước đây. Quá khứ có lặp lại hay không trong hậu kỳ chiến tranh Iraq sẽ còn phụ thuộc vào sự thành công các chính sách tại Iraq, tiến triển trong mâu thuẫn Israel và Palestine, và nhiều yếu tố khác nữa.

Những giá trị mà một chính phủ đấu tranh để bảo vệ trong nước (ví dụ như dân chủ), trong các thể chế quốc tế (qua hợp tác với các quốc gia khác), và chính sách đối ngoại (thúc đẩy hoà bình và nhân quyền) đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến ước nguyện của người khác. Nhà nước có thể thu hút hoặc xô đẩy người ta thông qua ảnh hưởng những hành động của họ. Nhưng nhà nước không có khả năng sở hữu quyền lực mềm như họ sở hữu quyền lực cứng. Những tài sản trong quyền lực cứng như quân đội hoàn toàn thuộc về nhà nước; những tài sản khác hiển nhiên là thuộc về quốc gia, ví dụ như dầu khí và các khoáng sản; và một số tài sản khác lại có thể được chuyển giao dưới quyền kiểm soát tập thể, như hãng hàng không dân dụng có thể được huy động trong tình hình khẩn cấp. Trái lại, nhiều nguồn lực của quyền lực mềm hoàn toàn tách riêng khỏi nhà nước và chỉ đóng góp một phần khi nhà nước huy động. Ví dụ như trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, văn hoá đại chúng Mỹ thường đối

đầu với các chính sách nhà nước. Ngày nay, phim ảnh Hollywood với các diễn viên nữ ăn mặc hở hang và lối sống phóng túng, hoặc những nhóm Cơ Đốc Giáo cấp tiến lên tiếng chỉ trích Hồi Giáo là một tôn giáo độc ác, đều đứng ngoài sự kiểm soát của chính phủ trong một xã hội tự do, nhưng dù sao cũng ảnh hưởng xấu đến các nỗ lực của chính quyền nhằm cải thiện quan hệ với các quốc gia Hồi Giáo.

Giới hạn của quyền lực mềm

Một số người hoài nghi khái niệm quyền lực mềm vì họ chỉ hiểu quyền lực theo nghĩa hẹp là quyền năng chỉ huy hay chủ động kiểm soát. Theo họ, bắt chước hay thu hút chỉ có vậy thôi, chứ tự thân chúng không phải là quyền lực. Như chúng ta đã nhận thấy, có những cái bắt chước hay thu hút không hề tạo ra quyền lực nào có thể ảnh hưởng tích cực đến chính sách, và bắt chước không luôn đem lại kết quả mong muốn. Ví dụ, trong thập niên 1980, thế giới rất ngưỡng mộ Nhật Bản vì họ có những phương pháp sản xuất công nghiệp tiên tiến; nhưng rốt cuộc sự mô phỏng của các công ty nước ngoài đã đem lại hiệu quả trái ngược là đánh mất thị phần của Nhật. Tương tự, quân đội cũng thường hay mô phỏng các chiến thuật thành công của đối phương và vô hiệu hoá chúng, khiến cho đối phương khó có thể đạt được kết quả mà họ mong muốn. Những nhận xét này hoàn toàn chính xác, nhưng chúng quên đi một điều là tạo ra được sự quyến rũ thường giúp chúng ta dễ thành công hơn. Những người hoài nghi chỉ muốn định nghĩa quyền lực là những hành động chỉ huy và kiểm soát có chủ ý, đã lãng quên một phương diện thứ hai, hay “cấu trúc” khác của quyền lực là khả năng đạt được thành công mà không cần buộc người ta phải thay đổi hành vi của họ qua cưỡng chế hay thưởng phạt.

Đồng thời, cũng cần xác định trong điều kiện nào sự thu hút sẽ có khuynh hướng đưa đến thành công, và điều kiện nào không. Như chúng ta đã thấy, văn hóa đại chúng thường thu hút đại chúng và tạo ra được quyền lực mềm hiểu theo nghĩa là các kết quả mong muốn khi các yếu tố văn hoá có nhiều điểm tương đồng hơn dị biệt. Tất cả các loại quyền lực đều phụ thuộc vào bối cảnh – ai liên quan tới ai trong hoàn cảnh nào – nhưng so với quyền lực cứng, quyền lực mềm phụ thuộc nhiều hơn vào sự hiện hữu của người diễn dịch và người tiếp thu. Hơn nữa, sự lôi cuốn thường có hiệu quả khuếch tán, tạo ra hiệu quả phổ quát hơn là một hành động cụ thể dễ dàng ghi nhận. Giống như tiền bạc có thể đem đầu tư, các chính trị gia cũng hay nói đến việc tích lũy vốn liếng chính trị để dùng đến sau này. Dĩ nhiên, thiện chí này không phải luôn luôn sẽ được tôn trọng, và sự trao đổi mang tính khuếch tán này càng kém hữu hình so với một hành động trao đổi tức thì. Dù sao chẳng nữa, hiệu quả gián tiếp của sự hấp dẫn và ảnh hưởng khuếch tán có thể rất quan trọng giúp cho ta đạt được kết quả thuận lợi tại bàn thương lượng. Nếu không, các chính trị gia đã đòi hỏi sự đáp lễ cụ thể hay đền bù tức thời, mà như chúng ta đã biết, họ không phải luôn luôn hành xử như thế. Các nhà tâm lý học xã hội đã dày công nghiên cứu và có được bằng chứng về mối quan hệ giữa quyến rũ và quyền lực.²³

Quyền lực mềm cũng giữ một vai trò quan trọng hơn khi quyền lực tại một quốc gia được phân tán hơn là tập trung. Một nhà độc tài có thể không hoàn toàn đứng đống đối với các quan điểm của người dân trong nước; nhưng ông ta sẽ dễ dàng làm ngơ một quốc gia khác, cho dù quốc gia này có được lòng dân hay không, khi ông ta tính toán những bước đi phục vụ cho lợi ích cá nhân. Trong các nền dân chủ, nơi mà công luận và quốc hội giữ vai trò quan trọng, các chính trị gia có ít chọn lựa hơn khi họ tính toán chiến lược hay thương lượng, so với các chế độ chuyên quyền. Cũng vì lý do đó mà chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không thể cho phép quân lực Hoa Kỳ vận chuyển ngang qua nước họ vào năm 2003 bởi vì các chính sách của Hoa Kỳ đã làm mất lòng dân trầm trọng trong cả công luận lẫn quốc hội. Trái lại, Hoa Kỳ dễ dàng được quyền sử dụng các căn cứ quân sự tại Uzbekistan vốn là một quốc gia chuyên quyền trong chiến dịch của họ tại Afghanistan.

Và cuối cùng, mặc dù quyền lực mềm đôi khi có thể đem lại hiệu quả trực tiếp đối với một số mục tiêu cụ thể - ví dụ như Hoa Kỳ đã không thể giành được lá phiếu ủng hộ của Chile hoặc Mexico tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc vào năm 2003 khi các chính sách của Mỹ đã làm mất lòng dân chúng - nó thường có khuynh hướng ảnh hưởng lên các mục tiêu chung mà một quốc gia theo đuổi.²⁴ Năm mươi năm về trước, Arnold Wolfers phân biệt các “mục tiêu sở hữu” cụ thể mà các quốc gia theo đuổi, với các “mục tiêu trung gian” rộng lớn hơn như tạo ra môi trường thuận lợi cho dân chủ. Theo đuổi thành công cả hai mục tiêu này đều quan trọng trong sách lược đối ngoại.²⁵ Nếu chúng ta cân nhắc các lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ chẳng hạn, quyền lực mềm có lẽ không thích hợp như quyền lực cứng trong việc ngăn chặn tấn công, kiểm soát biên giới và bảo vệ đồng minh. Nhưng quyền lực mềm thích hợp đặc biệt với vấn đề thực hiện các mục tiêu trung gian. Nó đóng vai trò thiết yếu trong quảng bá dân chủ, nhân quyền và thị trường tự do. Thường dễ thu hút người ta đi theo dân chủ hơn là cưỡng ép họ phải dân chủ. Tác động của sự thu hút để đạt được ước muốn phụ thuộc vào bối cảnh và loại hình mục tiêu - điều đó không làm cho nó kém phù hợp; cũng như bom đạn và gươm súng chẳng có tác dụng gì khi muốn ngăn chặn bệnh dịch truyền nhiễm, suy giảm tiến độ nóng dần lên của trái đất, hay gây dựng dân chủ.

Giới hoài nghi phản đối việc sử dụng cụm từ “quyền lực mềm” trong chính trường quốc tế vì chính phủ không kiểm soát được tính thu hút. Phần lớn quyền lực mềm của Hoa Kỳ được tạo dựng bởi Hollywood, Harvard, Microsoft, và Michael Jordan. Thực tế rằng xã hội dân sự là nguồn gốc của phần lớn quyền lực mềm không ảnh hưởng tới sự tồn tại của quyền lực mềm. Trong một xã hội tự do, chính phủ không thể và không nên kiểm soát văn hoá. Quả thực, không có chính sách kiểm soát có thể chính nó cũng là một nguồn lực quyền rũ. Nhà đạo diễn điện ảnh người Tiệp Khắc Milos Forman kể lại rằng chính quyền cộng sản đã cho công chiếu bộ phim Mỹ *Mười Hai Người Giận Dữ* [*Twelve Angry Men*] vì bộ phim khắc họa chân dung khắc nghiệt của các thể chế nước Mỹ, giới trí thức Tiệp Khắc lại có suy nghĩ “nếu quốc gia đó được phép làm điều này, dựng bộ phim nói về chính mình, quốc gia đó hẳn phải rất tự hào và có nhiều nội lực, và chắc hẳn là rất hùng cường và tự do.”²⁶

Quả thật là các hãng xưởng, trường đại học, học viện, nhà thờ và các tổ chức phi chính phủ khác gây dựng quyền lực mềm của riêng họ, mà các quyền lực này có thể củng cố hoặc mâu thuẫn với mục tiêu chính sách đối ngoại của nhà nước. Điều đó càng làm cho chính phủ phải bảo đảm là hoạt động và chính sách của họ sẽ củng cố hơn là đánh mất quyền lực mềm của họ. Ngày nay vấn đề này hiển nhiên hơn bao giờ hết vì các nguồn lực tư nhân của quyền lực mềm ngày càng nắm vai trò quan trọng trong thời đại thông tin toàn cầu.

Và để kết luận, giới hoài nghi biện luận rằng tính phổ cập, được lòng dân vốn được đo lường qua tham khảo ý kiến quần chúng chỉ có giá trị ngắn hạn, và vì thế không nên coi trọng quá. Dĩ nhiên chúng ta không nên đưa ra quá nhiều diễn dịch, suy đoán dựa trên các cuộc trưng cầu dân ý. Thăm dò dân ý là biện pháp thiết yếu nhưng không hoàn hảo để đo lường được nguồn lực của quyền lực mềm, vì các câu trả lời thường biến đổi nhiều tùy theo cách đặt câu hỏi, và trừ khi cùng một câu hỏi được lặp đi lặp lại nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định, những ý kiến trả lời này thể hiện một bức tranh nhất thời chứ không phải một hình ảnh liên tục. Ý kiến thường thay đổi, và biến đổi này có thể xuất hiện trong bất kỳ cuộc tham khảo nào. Ngoài ra, các lãnh đạo chính trị có khi phải đưa ra những quyết định cho dù không được lòng dân vì họ tin rằng đó là quyết định cần phải làm, và hy vọng rằng họ sẽ lại được công chúng ủng hộ một khi quyết định của họ tỏ ra đúng đắn. Được lòng dân không phải là mục tiêu cuối cùng khi ban hành chính sách đối ngoại. Dẫu sao, trưng cầu dân ý cũng là định lượng sơ khởi để biết được một quốc gia có khả năng thu hút ra sao, và cái giá phải trả cho những chính sách không được lòng dân như thế nào, đặc biệt là khi những cuộc trưng cầu này đưa ra kết quả giống nhau trong một khoảng thời gian. Như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, sự thu hút sẽ giúp chúng ta đạt được những điều mình muốn.

Vai trò đang thay đổi của sức mạnh quân sự

Vào thế kỷ 20, khoa học kỹ thuật đã hình thành những bình diện mới các nguồn lực sức mạnh. Với sự xuất hiện của thời đại nguyên tử, Hoa Kỳ và Liên Xô không chỉ có sức mạnh công nghiệp mà còn có cả vũ khí hạt nhân và hỏa tiễn liên lục địa. Thời đại của các siêu cường đã bắt đầu. Sau này, vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ trong cuộc cách mạng thông tin vào cuối thế kỷ 20 đã cho phép họ tiến hành cuộc cách mạng trong hoạt động quân sự. Khả năng vận dụng công nghệ thông tin để sáng tạo ra các vũ khí chính xác, thông tin tình báo theo thời gian thực, giám sát mặt trận trên địa bàn rộng lớn, và cải tiến hệ thống chỉ huy và kiểm soát đã cho phép Hoa Kỳ vượt lên phía trước với vị thế một siêu cường quân sự duy nhất của thế giới.

Nhưng tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã có những hiệu quả trái ngược nhau đối với sức mạnh quân sự trong thế kỷ vừa qua. Một mặt, nó tạo tiền đề cho Hoa Kỳ trở thành siêu cường duy nhất trên thế giới cùng với sức mạnh quân sự vô địch; nhưng đồng thời, nó cũng gia tăng cái giá phải trả về mặt xã hội và chính trị một khi sức mạnh quân sự được dùng để

chinh phục. Một ví dụ về nghịch lý này là vũ khí hạt nhân, vốn được chấp nhận với vai trò răn đe, đã tỏ ra khủng khiếp và hủy diệt đến mức nó có tác dụng rất hạn chế - bởi cái giá phải trả là quá đắt một khi được dùng trong chiến tranh ngoại trừ trường hợp trong bước đường cùng.²⁷ Miền Bắc Việt Nam dù không có vũ khí hạt nhân vẫn đánh thắng được Hoa Kỳ vốn có vũ khí hạt nhân, và Argentina vốn cũng không có vũ khí hạt nhân nhưng đã không ngần ngại tấn công quần đảo Falkland của Anh mặc dù Anh có trong tay vũ khí hạt nhân.

Một thay đổi quan trọng thứ hai là công nghệ truyền thông ngày nay kích động sự trỗi dậy và lan rộng của chủ nghĩa quốc gia, khiến cho các đế chế không còn dễ dàng thống trị quần chúng vốn đã thức tỉnh về mặt xã hội. Vào thế kỷ 19, Anh Quốc cai trị một phần tư thế giới cho dù nước Anh chỉ có dân số rất nhỏ bé. Khi phong trào quốc gia phát triển, nên cai trị thực dân trở nên vô cùng tốn kém và rồi đế chế Anh bị sụp đổ. Những đế quốc theo chủ nghĩa thực dân kiểu châu Âu với sự cai trị trực tiếp tại các nước thuộc địa vào thế kỷ 19 và 20 không thể tồn tại trong thế kỷ 21 này.

Ngoài công nghệ truyền thông và hạt nhân, những thay đổi bên trong các nền dân chủ cũng khiến cho việc sử dụng sức mạnh quân sự trở nên tốn kém hơn. Các nền dân chủ hậu công nghiệp thường tập trung vào sự phồn thịnh hơn là vinh quang, và vì vậy họ không muốn chịu nhiều thương vong. Điều này không có nghĩa là họ sẽ không dùng đến sức mạnh quân sự, ngay cả khi có thương vong – ví dụ như Anh, Pháp và Mỹ trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh 1991, hay Anh và Mỹ trong cuộc Chiến tranh Iraq năm 2003. Trong thời đại dân chủ ngày nay không còn tinh thần chiến binh áp đảo như trước. Điều đó có nghĩa là sử dụng vũ lực đòi hỏi phải có biện minh về đạo đức chính đáng để được dân chúng ủng hộ, trừ khi sự tồn vong của quốc gia bị đe dọa. Trong các nền dân chủ tiên tiến, chiến tranh vẫn có thể xảy ra, nhưng ít được chấp nhận so với một thế kỷ, hay cả nửa thế kỷ về trước.²⁸ Những quốc gia hùng mạnh nhất hầu như đã không còn tham muốn chinh phục nữa.²⁹

Robert Kagan đã vạch ra rằng những biến đổi xã hội này đã bắt rễ tại châu Âu sâu hơn là tại Hoa Kỳ. Câu nói đùa là người Mỹ đến từ sao Hỏa (đại diện cho chiến tranh – ND) và người châu Âu đến từ sao Kim quá đơn giản hoá sự khác biệt này.³⁰ Dầu sao đi nữa, cũng chính châu Âu đã góp phần gây áp lực vũ lực tại Kosovo vào năm 1999, và cuộc Chiến tranh Iraq cũng cho thấy có những người Âu đến từ sao Hỏa, và có những người Mỹ thích sao Kim hơn. Dù sao, các quốc gia châu Âu đã tạo dựng thành công một ốc đảo hoà bình trên một lục địa vốn đã bị tàn phá bởi ba cuộc chiến tranh Pháp - Đức trong vòng một thế kỷ, và có lẽ vì vậy họ có khuynh hướng tìm các giải pháp hoà bình trong mâu thuẫn.

Ngày nay trong nền kinh tế toàn cầu, ngay cả Hoa Kỳ cũng phải cân nhắc khi dùng vũ lực vì nó có thể gây nguy hại cho các mục tiêu kinh tế. Sau chiến thắng trong Chiến tranh thế giới lần thứ 2, Hoa Kỳ giúp tái thiết nền kinh tế Nhật Bản; nhưng ngày nay, khó có thể tưởng tượng ra cảnh Hoa Kỳ dùng vũ lực để buộc Nhật phải mở cửa thị trường hoặc thay đổi giá trị đồng Yên. Chúng ta cũng khó mà tưởng tượng ra cảnh Hoa Kỳ dùng vũ lực để giải

quyết tranh chấp với Canada hoặc châu Âu. Không như những giai đoạn trước đây, những ốc đảo hoà bình đã được hình thành, nơi mà việc sử dụng vũ lực không còn là một chọn lựa khả thi trong quan hệ quốc tế, và điều này đã trở thành biểu hiện đặc thù cho mối quan hệ giữa phần lớn các nền dân chủ tự do hiện đại không chỉ giới hạn tại châu Âu. Sự tồn tại của những ốc đảo hoà bình là bằng chứng cho thấy tầm quan trọng ngày càng lớn của quyền lực mềm. Theo đó, người ta chia sẻ những giá trị chung về cách hành xử được chấp nhận giữa các chế độ dân chủ. Trong quan hệ giữa các quốc gia này, tất cả các nền dân chủ đều đến từ sao Kim.

Ngay cả những quốc gia phi dân chủ vốn ít bị ràng buộc về luân lý khi sử dụng vũ lực cũng phải cân nhắc tác động đến mục tiêu kinh tế. Chiến tranh có nguy cơ làm nản lòng các nhà đầu tư vốn kiểm soát các nguồn vốn trong nền kinh tế đã được toàn cầu hoá.³¹ Một thế kỷ trước, chiếm đoạt lãnh thổ của một quốc gia khác bằng vũ lực dễ hơn là “phát triển công cụ kinh tế và thương mại phức tạp cần thiết để thiết lập quan hệ thương mại hữu ích.”³² Ngày nay, khó có thể hình dung ra một tình huống mà ví dụ như Nhật Bản có ý định hoặc sẽ thành công trong việc sử dụng vũ lực để chiếm các nước láng giềng làm thuộc địa. Có hai phân tích gia của hãng RAND đã biện luận rằng “Trong thời đại thông tin, các lợi thế ‘hợp tác’ sẽ trở nên ngày càng quan trọng. Hơn nữa, những xã hội cải tiến được khả năng hợp tác với bạn bè và đồng minh cũng sẽ đạt được ưu thế cạnh tranh so với đối thủ.”³³

Tất cả những điều nêu trên không có nghĩa là sức mạnh quân sự không còn có vai trò trong chính trị quốc tế. Ngược lại, cuộc cách mạng thông tin còn chưa biến đổi được nhiều khu vực trên thế giới. Nhiều quốc gia vẫn chưa bị ràng buộc bởi các lực lượng xã hội dân chủ. Nội chiến vẫn còn đầy rẫy tại nhiều nơi trên thế giới: ở những nơi đó, các đế chế sụp đổ để lại sau lưng các quốc gia thất bại và những khoảng trống quyền lực. Quan trọng hơn nữa là sự dân chủ hoá của công nghệ đã dẫn đến việc tư nhân hoá chiến tranh. Công nghệ là con dao hai lưỡi. Một mặt, thay đổi về xã hội và công nghệ làm cho chiến tranh trở nên tốn kém đối với các nền dân chủ. Mặt khác, công nghệ tạo ra những phương tiện hủy diệt mới trong tay những cá nhân và nhóm cực đoan.

Khủng bố và tư nhân hóa chiến tranh

Khủng bố không phải là kẻ thù mới, cũng không phải là kẻ thù đơn độc. Đó là hình thức mâu thuẫn lâu đời được định nghĩa là sự tấn công có chủ ý nhắm vào các thành phần phi quân sự với mục đích gây sợ hãi và đe dọa. Một thế kỷ trước, nhà văn Joseph Conrad đã phác họa hình ảnh tâm trí của gã khủng bố không thể quên được. Khủng bố là một hiện tượng quen thuộc trong thế kỷ 20. Cho dù là phát triển trong nước hay liên quốc gia, khủng bố là hình thức chủ yếu trong các mâu thuẫn tại Trung Đông, Bắc Ireland, Tây Ban Nha, Sri Lanka, Kashmir, Nam Phi, và những nơi khác. Khủng bố diễn ra trên khắp các châu lục, ngoại trừ Nam Cực, và ảnh hưởng hầu hết mọi quốc gia. Ngày 11 tháng 9 năm 2001 chỉ là

cuộc leo thang bi thảm của một hiện tượng đã có từ lâu đời. Tuy nhiên, có hai tiến triển gần đây đã làm cho khủng bố trở nên một hiểm họa lớn và càng khó chế ngự trong thế kỷ 21 này.

Thứ nhất là các khuynh hướng phát triển từ khoa học kỹ thuật. Những cơ sở hạ tầng của nền văn minh ngày nay mang tính kỹ thuật cao cấp và phức tạp. Theo một uỷ ban của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia, các lực lượng và tính mở của thị trường ngày nay đã cùng kết hợp đem lại hiệu suất cao trong các hệ thống thiết yếu như giao thông, truyền tin, năng lượng, và y tế. Một số (chứ không phải tất cả) các hệ thống trở nên dễ bị tổn thương và dễ đổ vỡ hơn song song với việc chúng trở nên phức tạp và hiệu quả hơn.³⁴

Đồng thời, những tiến bộ này đã “dân chủ hoá công nghệ”, khiến cho những công cụ có khả năng sát hại hàng loạt trở nên gọn nhẹ hơn, rẻ hơn, và dễ kiếm mua hơn cho cả cá nhân lẫn các nhóm khủng bố. Ngày xưa, mìn và máy đặt giờ đất tiên và công kênh; ngày nay, chất nổ plastic và máy đặt giờ số rẻ và gọn nhẹ. Chi phí để đánh cướp máy bay có khi chỉ cao hơn giá mua vé máy bay chút đỉnh.

Ngoài ra, sự thành công trong cuộc cách mạng thông tin đã tạo tiền đề cho các cách thức liên lạc và tổ chức ít tốn kém, khiến cho các nhóm trước đây chỉ hoạt động trong khuôn khổ địa phương hoặc quốc gia mở rộng tầm hoạt động toàn cầu. Ba mươi năm về trước, khả năng truyền tin toàn cầu và cấp thời rất tốn kém, chỉ có những tổ chức lớn có nhiều ngân sách như chính phủ, các công ty đa quốc gia, hay nhà thờ Thiên Chúa La Mã mới có được. Ngày nay, internet đã tạo điều kiện liên lạc trên khắp thế giới gần như là miễn phí, chỉ cần có modem để gắn vào máy tính.³⁵ Cũng tương tự, internet đã giúp cho việc tìm kiếm thông tin và tạo mối liên hệ để tiếp cận các vũ khí sát thương trở nên dễ dàng và ít tốn kém. Bọn khủng bố dùng những phương tiện truyền thông đại chúng và internet để truyền đi các thông điệp tới số đông đại chúng – ví dụ như bin Laden đã phát tán rộng rãi những cuộc phỏng vấn trên truyền hình và các băng hình sau ngày 11 tháng 9. Khủng bố phụ thuộc hoàn toàn vào quyền lực mềm để đạt được thành công tối hậu. Khủng bố dựa vào khả năng thu hút sự hỗ trợ từ quần chúng cũng như khả năng triệt phá ý chí chiến đấu của kẻ thù.

Thứ nhì là các khuynh hướng phản ánh thay đổi về động cơ và cách tổ chức của các nhóm khủng bố. Bọn khủng bố vào giữa thế kỷ 20 thường có mục tiêu chính trị rõ ràng, và các mục tiêu này không phù hợp với sự hủy diệt hàng loạt. Người ta cho rằng những cuộc khủng bố này muốn gây tiếng vang hơn là gây tiếng nổ (nhiều người theo dõi hơn là nhiều người bị sát hại.) Những dạng khủng bố này thường được các chính phủ như Libya và Syria ủng hộ và bí mật tài trợ. Vào cuối thế kỷ 20, nhiều nhóm khủng bố xuất hiện đại diện cho những phần tử tôn giáo cực đoan. Đông nhất đã có hàng chục ngàn thanh niên theo đạo Hồi tham gia cuộc chiến chống Liên Xô chiếm đóng Afghanistan. Họ được huấn luyện nhiều kỹ năng chiến đấu, và nhiều người trong số họ được thu nạp vào các tổ chức có quan điểm tôn giáo cực đoan về chiến tranh Hồi Giáo. Nhà sử học Walter Laquer đã có nhận xét, “Khủng bố theo nghĩa truyền thống, dù theo cánh tả hay cánh hữu, hoặc chủ nghĩa ly khai quốc gia,

không hướng về những cơ hội gây tàn phá lớn... Từ đó đến nay, khủng bố đã trở nên tàn bạo và không còn phân biệt nữa.”³⁶

Khuynh hướng này càng được củng cố khi động lực thay đổi từ những mục tiêu chính trị hạn hẹp thành mục tiêu trừng phạt không giới hạn, lại được củng cố bằng những phần thưởng ở thế giới bên kia. May mắn là, không như chủ nghĩa cộng sản hay phát xít, ý thức hệ Hồi Giáo không thu hút được nhiều tín đồ bên ngoài cộng đồng Hồi Giáo. Tuy nhiên, cộng đồng Hồi Giáo có trên một tỷ người có thể được tuyển mộ. Ví dụ, mạng lưới của Al Qaeda, với hàng ngàn người trong các nhóm phối hợp lỏng lẻo tại 60 quốc gia, có quy mô lớn chưa từng thấy. Nhưng ngay cả những mạng lưới nhỏ cũng khó thâm nhập hơn so với các tổ chức bán quân sự được tổ chức theo thứ bậc trước đây.

Cả hai khuynh hướng về kỹ thuật lẫn ý thức hệ đã tạo một số tiền đề làm gia tăng khả năng tàn sát của các cuộc khủng bố và khiến việc kiểm soát trở nên khó khăn hơn. Do sự cố ngày 11 tháng 9 và quy mô chưa từng thấy của Al Qaeda, trọng tâm ngày nay nhắm vào các nhóm khủng bố liên quan đến những kẻ theo Hồi Giáo cực đoan. Nhưng chúng ta sẽ phạm sai lầm nếu chỉ hạn chế quan tâm hoặc phản ứng lại với các nhóm khủng bố Hồi Giáo vì làm như vậy có nghĩa là chúng ta lãng quên hiệu ứng rộng lớn hơn của việc dân chủ hoá công nghệ và hàng loạt những thử thách cần được giải quyết. Tiến bộ về kỹ thuật đã đặt trong tay các nhóm và cá nhân lệch lạc khả năng hủy diệt mà trước đây chỉ thuộc về các chính phủ và quân đội. Bất cứ một nhóm số đông nào cũng có những thành viên lệch lạc, và cả một số thành viên có khuynh hướng hủy diệt. Chúng ta cần nhớ rằng hành động khủng bố lớn nhất tại Mỹ trước ngày 11 tháng 9 là do tay Timothy McVeigh, một kẻ cuồng tín chống chính quyền sinh ra tại nước Mỹ. Tương tự, giáo phái Aum Shinrykio vốn đã thải hoá chất độc hại sarin trên các toa xe điện ngầm tại Tokyo vào năm 1995, không có liên hệ gì với Hồi Giáo. Ngay cả nếu như phong trào khủng bố Hồi Giáo hiện nay rốt cuộc chỉ mang tính thế hệ hay nhất thời, cũng giống như những phong trào khủng bố khác trước đây, thế giới này vẫn phải đương đầu với những hiểm họa lâu dài phi tôn giáo xuất phát từ việc dân chủ hoá kỹ thuật.

Tính hủy diệt gia tăng nhanh chóng. Vào những năm của thập niên 1970, khi người Palestine tấn công các vận động viên Israel tại Thế Vận Hội Munich hoặc vụ thảm sát do nhóm Lữ Đoàn Đỏ tiến hành, vốn gây chú ý trên toàn thế giới, chỉ cướp đi sinh mạng của vài chục người. Vào thập niên 1980, nhóm cực đoan người Sikh nổ bom trên chuyến bay của hãng Hàng không Ấn Độ và giết chết trên 300 người. Sự cố ngày 11 tháng 9 năm 2001 giết chết hàng ngàn người - tất cả sự gia tăng về tổn thất nhân mạng đều xảy ra mà không cần tới vũ khí giết người hàng loạt. Chỉ cần ngoại suy và phân tích khuynh hướng hủy diệt nêu trên, và thử tưởng tượng một nhóm đi lạc lối trong xã hội nào đó có được trong tay các nguyên liệu để sản xuất vũ khí hạt nhân hay vi trùng trong vòng mười năm tới, chúng ta có thể hình dung được bọn khủng bố có thể tàn sát hàng triệu mạng sống.

Vào thế kỷ 20, những cá nhân bệnh hoạn như Hitler, Stalin, hay Pol Pot cần phải có công cụ của một chính thể chuyên chính để tiêu diệt được số đông quần chúng. Đáng tiếc là

ngày nay, các nhóm cực đoan rất dễ sát hại hàng triệu người mà không cần đến các công cụ của nhà nước. Đây thật sự là quá trình “tư nhân hoá chiến tranh”, và nó thể hiện một thay đổi nghiêm trọng trên chính trường quốc tế. Hơn nữa, bước phát triển tiếp theo này trong việc leo thang khủng bố sẽ có hậu quả sâu sắc đối với nền văn minh đô thị ngày nay. Điều gì sẽ xảy ra với mong muốn sống trong thành phố của người dân và khả năng duy trì các thể chế văn hoá, nếu giả dụ thay vì hủy hoại hai toà nhà cao tầng, cuộc tấn công trong tương lai sẽ phá hủy hơn nửa khu phố Manhattan, cả khu vực thành phố Luân Đôn, hay một bên bờ sông Paris?

Phong trào khủng bố ngày nay không giống với phong trào thập niên 1970 của nhóm IRA, nhóm ETA (cánh quân sự của phong trào ly khai xứ Basque), hoặc Lữ Đoàn Đỏ của Ý. Không chỉ một xã hội sẽ bị đe dọa bởi phong trào khủng bố này. Thái độ cho rằng đây chỉ là “việc thường ngày ở huyện” về việc ngăn ngừa khủng bố sẽ không thể chấp nhận được. Vũ lực vẫn giữ một vai trò nhất định trong chính trường thế giới, nhưng bản chất của nó đã thay đổi trong thế kỷ 21. Kỹ thuật tạo điều kiện cho bọn khủng bố dễ tiếp cận với sức mạnh hủy diệt, cũng như khả năng thông tin liên lạc nhanh chóng vượt không gian trong nội bộ và cả thế giới bên ngoài. Như chúng ta sẽ thấy trong chương ba, nhiều nhóm khủng bố có cả quyền lực mềm cũng như quyền lực cứng. Hoa Kỳ đã đi theo con đường đúng đắn là thay đổi chiến lược an ninh quốc gia để tập trung vào khủng bố và vũ khí giết người hàng loạt sau ngày 11 tháng 9. Nhưng phương tiện mà chính quyền Bush sử dụng tập trung quá nhiều vào quyền lực cứng và không hề quan tâm tới quyền lực mềm. Đó là một sai lầm, bởi vì chính nhờ ở quyền lực mềm mà các tổ chức khủng bố có được sự ủng hộ cũng như cơ hội tuyển mộ thành viên.

Sự giao thoa giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm

Quyền lực cứng và quyền lực mềm đôi khi củng cố và đôi khi cản trở lẫn nhau. Một quốc gia muốn được công chúng ủng hộ thường không muốn sử dụng quyền lực cứng khi cần thiết; nhưng một quốc gia cậy thế mà không màng đến quyền lực mềm của mình thường sẽ gặp phải sự đối đầu khi sử dụng quyền lực cứng. Không có quốc gia nào muốn bị thao túng, ngay bởi cả quyền lực mềm. Đồng thời, như đã nêu trên, quyền lực cứng có thể giúp tạo dựng huyền thoại về sự bất khả chiến bại và tính thiên mệnh vốn thu hút các quốc gia khác. Năm 1961, Tổng thống John F. Kennedy vẫn tiến hành thử nghiệm vũ khí hạt nhân cho dù các cuộc thăm dò công luận tỏ ra phản đối, vì ông e ngại thế giới nghĩ rằng Liên Xô đang chiếm ưu thế trong cuộc chạy đua vũ trang. Kennedy “sẵn sàng đánh đổi một phần uy tín ‘mềm’ của Hoa Kỳ để thu được uy tín quân sự.”³⁷ Có một sự kiện vui là năm 2003, chỉ vài tháng sau khi xảy ra các cuộc biểu tình phản chiến ở Luân Đôn và Milan, các buổi trình diễn thời trang tại hai nơi này cho các người mẫu mặc quần áo lính biệt kích Mỹ và họ làm nổ hàng loạt bong bóng. Như một nhà tạo mẫu nhận xét, các biểu tượng của Hoa Kỳ “vẫn là tấm nền an ninh tốt nhất.”³⁸

Xuyên suốt lịch sử, các quốc gia nhược tiểu thường liên kết với nhau để cân bằng và giới hạn quyền lực của một quốc gia mạnh hơn đang gây uy hiếp. Nhưng không phải luôn luôn như vậy. Đôi khi các nước yếu bị thu hút và đi theo một nước mạnh, nhất là khi họ không có lựa chọn nào khác, hoặc do nước đó có cả sức mạnh quân sự lẫn quyền lực mềm hỗ trợ. Hơn nữa, như chúng ta đã thấy, quyền lực cứng đôi khi cũng có khía cạnh mềm và thu hút. Như Osama bin Laden đã nói trong một băng video, “Khi người ta thấy một con ngựa khỏe và một con ngựa yếu, theo bản tính tự nhiên, họ chọn con ngựa khỏe.”³⁹ Cũng dùng phép ẩn dụ tương tự, chúng ta thường thương hại kẻ yếu hơn là đánh cược cho họ.

Cuộc Chiến tranh Iraq năm 2003 là một ví dụ về sự giao thoa giữa hai dạng quyền lực này. Một số động lực gây chiến tranh dựa trên khả năng răn đe của quyền lực cứng. Người ta nói rằng khi Donald Rumsfeld nhậm chức, ông cho rằng Hoa Kỳ “trong cái nhìn của thế giới chỉ là một con cọp giấy, một gã khổng lồ yếu ớt không thể nào chịu nổi một cú đấm” và vì vậy, ông quyết tâm thay đổi cách nhìn này.⁴⁰ Chiến thắng về quân sự của Mỹ trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh lần trước đã giúp thúc đẩy cuộc đàm phán hoà bình Trung Đông tại Oslo, và chiến thắng năm 2003 tại Iraq đã có thể có một kết quả tương tự. Hơn nữa, các quốc gia như Syria và Iran có lẽ sẽ cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ủng hộ các hoạt động khủng bố khác trong tương lai. Tất cả đều là những lý do quyền lực cứng được dùng để phát động chiến tranh. Nhưng cũng có một loạt các động lực khác liên quan đến quyền lực mềm. Những người theo trường phái tân bảo thủ cho rằng có thể dùng quyền lực của Hoa Kỳ để xuất khẩu dân chủ qua Iraq và biến đổi chính trị tại Trung Đông. Nếu thành công, chiến tranh sẽ tự hợp thức hoá sự tồn tại của nó. Như William Kristol và Lawrence Kaplan đã nói, “Sự thống trị đâu có gì là sai trái nếu như ta dùng nó để phục vụ các nguyên tắc đúng đắn và những lý tưởng cao cả?”⁴¹

Người ta tranh cãi về cuộc chiến tranh Iraq một phần do họ cố lý giải tính hợp pháp của cuộc chiến này. Ngay cả khi không có đối trọng về quân sự (như hiện nay, Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất), các quốc gia khác vẫn có thể liên kết với nhau và tước đi tính chính danh trong các chính sách của Hoa Kỳ, và qua đó làm suy giảm quyền lực mềm của Mỹ. Pháp, Nga và Trung Quốc tỏ ra bực bội trước tính đơn cực về quân sự của Mỹ và kêu gọi một thế giới đa cực. Theo quan điểm của Charles Krauthammer, Iraq “tạo cơ hội cho Pháp hình thành thách thức nhất quán đầu tiên đối với sự thống trị đó.”⁴² Ngay cả khi không đối đầu trực tiếp với sức mạnh quân sự của một siêu cường, các nước yếu hơn mong rằng họ có thể cản trở Hoa Kỳ bằng cách làm cho Hoa Kỳ phải tốn kém nhiều hơn khi sử dụng quyền lực cứng.⁴³ Cho dù không thể ngăn cản Hoa Kỳ phát động chiến tranh, nhưng bằng cách làm cho Hoa Kỳ mất tính chính danh thông qua nghị quyết thứ hai của Hội Đồng Bảo An, họ đã làm cho cuộc chiến tranh này tốn kém hơn.

Quyền lực mềm không chỉ giới hạn trong đấu trường Liên Hiệp Quốc. Ngoài Liên Hiệp Quốc, ngoại giao và các phong trào hoà bình đã biến đổi cuộc tranh luận trên thế giới từ những tội lỗi của Saddam chuyển sang mối đe dọa của đế quốc Mỹ. Điều đó khiến cho

các quốc gia đồng minh khó có thể cho phép Hoa Kỳ sử dụng căn cứ quân sự, hoặc hỗ trợ Hoa Kỳ, và vì vậy, làm suy giảm quyền lực cứng của Hoa Kỳ. Những ví dụ như đã đề cập ở trên bao gồm việc quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ từ chối cho phép Mỹ quá cảnh quân đội trên lãnh thổ của họ, và Saudi Arabia không sẵn lòng cho Mỹ sử dụng các căn cứ không quân mà họ đã cho phép từ năm 1991.

Do việc triển khai sức mạnh quân sự Hoa Kỳ trong tương lai đòi hỏi việc sử dụng lãnh thổ cũng quyền bay quá cảnh của các quốc gia khác, những hành vi cân bằng quyền lực mềm như vậy có thể ảnh hưởng thực tế lên quyền lực cứng. Khi mà việc ủng hộ Hoa Kỳ khiến các chính trị gia mất phiếu bầu của dân chúng, ngay cả các lãnh tụ vốn thân Mỹ cũng sẽ khó lòng chấp nhận các thỉnh cầu của Hoa Kỳ. Thêm vào đó, việc qua mặt Liên Hiệp Quốc đã làm tăng chi phí kinh tế cho Mỹ sau khi cuộc chiến kết thúc, khiến nhà báo Fareed Zakaria nhận xét rằng “Chính sách đối ngoại kiêu để quốc chủ nghĩa đã đem lại kết quả trái ngược. Khi cuộc chiến tranh Iraq kết thúc, chính quyền Mỹ đã chối bỏ bất kỳ hình thức đối tác thực sự nào với thế giới. Mỹ liên tục coi thường Liên Hiệp Quốc.”⁴⁴

Mùa hè năm 2003, chính quyền Bush thoát đầu phản đối việc Liên Hiệp Quốc giữ một vai trò quan trọng trong việc tái thiết Iraq. Việc này tính ra làm cho Hoa Kỳ tốn đến hơn 100 tỷ đô la, hay khoảng 1.000 đô la trên một hộ gia đình Mỹ. Trong đa phần các sứ mạng gìn giữ hoà bình, Liên Hiệp Quốc tài trợ phần lớn chi phí cho các quốc gia đóng góp quân đội. Trong cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991, liên minh do Tổng thống George H. W. Bush tạo dựng trang trải 80% toàn bộ phí tổn; và trong những vụ can thiệp của Tổng thống Clinton tại nước ngoài, Hoa Kỳ chỉ phải gánh vác 15% phí tổn gìn giữ hoà bình và tái thiết.⁴⁵ Khi không có sự ủy thác của Liên Hiệp Quốc, một số quốc gia từ chối tham gia gìn giữ hoà bình tại Iraq, và đối với một số quốc gia tham gia như Ba Lan, Ukraine, Nicaragua, El Salvador, Honduras cùng những nước khác, ước tính Hoa Kỳ đã phải trang trải 250 triệu đô la để giúp họ tham gia.⁴⁶

Một số người theo chủ nghĩa tân bảo thủ biện luận rằng giải pháp họ chọn lựa nhằm né tránh Liên Hiệp Quốc và làm cho Liên Hiệp Quốc mất đi tính chính danh. Đối với những người này, phá được Liên Hiệp Quốc cũng được xem như là một thắng lợi.⁴⁷ Họ đánh giá cuộc Chiến tranh Iraq như “một mũi tên trúng hai con chim”: vừa lật đổ được Saddam, vừa làm tổn hại đến Liên Hiệp Quốc. Một số còn kêu gọi thành lập một liên minh mới bao gồm các quốc gia dân chủ để thay thế Liên Hiệp Quốc. Những phản ứng như vậy quên đi một điều là sự chia rẽ chính là giữa các quốc gia dân chủ, và Hoa Kỳ có thể gây ảnh hưởng nhưng không thể một mình quyết định quan điểm của thế giới về tính chính danh của Liên Hiệp Quốc. Hơn nữa, cân bằng mềm nhằm tạo áp lực lên quốc hội của các nước dân chủ có thể được thực hiện bên ngoài khuôn khổ của Liên Hiệp Quốc. Internet tạo điều kiện cho các phong trào chống đối nhanh chóng triệu tập các nhóm phi tổ chức với cơ cấu lỏng lẻo thay vì những tổ chức có thứ bậc như trước đây. Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, tổ chức một cuộc xuống đường đòi hỏi phải chuẩn bị nhiều tuần lễ, có khi cả mấy tháng trời, các tờ

truyền đơn, biểu ngữ, các cuộc điện thoại; trải qua bốn năm các cuộc xuống đường này mới có số đông đáng kể, thoát đầu là 25.000 người, rồi lên đến nửa triệu người vào năm 1969. Để tiện so sánh, 800.000 người tại Hoa Kỳ và 1,5 triệu người tại châu Âu đã tụ họp vào một ngày cuối tuần tháng 2 năm 2003 trước khi cuộc chiến bắt đầu.⁴⁸

Mặc dù những cuộc phản kháng này không đại diện cho cả “cộng đồng quốc tế”, nó gây ảnh hưởng đến quan điểm của các nhà báo, nghị viên và các nhân vật có thể lực tại các quốc gia quan trọng; quan điểm của nhóm này tiêu biểu cho “cộng đồng quốc tế” nêu trên.⁴⁹ Mặc dù khái niệm về một cộng đồng quốc tế là không chính xác, ngay cả những người vốn bác bỏ mối quan ngại trên thế giới về phương cách mà Hoa Kỳ đã dẫn thân vào cuộc chiến, có vẻ cũng chấp nhận ý kiến nêu trên khi họ cho rằng tính chính danh của Hoa Kỳ sẽ được chấp nhận một khi thu được kết quả khả quan tại Iraq. Cách chính danh hóa hậu kỳ này có thể giúp tái tạo quyền lực mềm của Hoa Kỳ vốn bị đánh mất khi tham chiến, nhưng đồng thời nó cũng cho thấy rằng tính chính danh là quan trọng. Trong những trường hợp khó khăn hơn như với Iran hay Bắc Triều Tiên, Tổng thống Bush tranh thủ quan điểm của cái gọi là “cộng đồng thế giới” mà một số cố vấn của ông cho là “viển vông.”⁵⁰ Cuộc đấu tranh liên tục để giành tính chính danh cho thấy sự quan trọng của quyền lực mềm. Đạo đức có thể là sức mạnh trong thực tế.

Chiến tranh Iraq có tác động ban đầu hoàn toàn tiêu cực lên công luận của thế giới Hồi Giáo. Đài truyền hình Al Jazeera (nguồn lực quyền lực mềm của chính phủ Qatar, cũng là nơi đồn trú quyền lực cứng của Hoa Kỳ) chiếu những cảnh dân thường đổ máu hết ngày này qua ngày khác. Một nghị viên Ai Cập nhận xét, “Quý vị không thể tưởng tượng nổi những cuộc hành quân tại Baghdad và các thành phố khác gây phần nộ trong công chúng đến mức nào.”⁵¹ Tại Pakistan, một cựu viên chức ngoại giao đã tường trình rằng “việc Hoa Kỳ xâm chiếm Iraq là món quà tặng cho các đảng phái Hồi Giáo tại đây. Những người trước đây vốn xem thường các đảng phái này thì nay lại đi theo họ thành đoàn.”⁵² Tình báo Mỹ và các nhân viên công lực cho hay Al Qaeda và các nhóm khủng bố khác tăng cường việc tuyển mộ trên ba đại lục bằng cách “xoáy vào sự giận dữ ngày càng gia tăng đối với việc Hoa Kỳ mở chiến dịch tấn công Iraq.”⁵³ Sau khi cuộc chiến kết thúc, các cuộc thăm dò công luận cho thấy công chúng ủng hộ bin Laden hơn trước, và Hoa Kỳ ngày càng mất lòng dân ngay tại các quốc gia thân cận với Hoa Kỳ như Indonesia và Jordan.⁵⁴ Trong khi đó, các cuộc thăm dò ý kiến tại châu Âu cho thấy phương cách Hoa Kỳ tiến hành cuộc chiến tranh Iraq đã làm tiêu tan sự thông cảm và thiện chí dành cho Hoa Kỳ sau ngày 11 tháng 9. Hiện nay còn quá sớm để có thể đánh giá những thắng lợi về quyền lực cứng trong cuộc chiến tranh Iraq về lâu dài có hơn được những tổn thất về quyền lực mềm hay không, hay những tổn thất này có lâu dài không. Tuy nhiên cuộc chiến tranh này đã là trường hợp nghiên cứu rất thú vị về sự tương tác giữa hai hình thái quyền lực này.

Hướng về tương lai, nhiều điều phụ thuộc vào hiệu quả chính sách của Mỹ nhằm xây dựng một Iraq tốt đẹp hơn và quá trình vận động hoà bình tại Trung Đông. Ngoài ra, nhiều

điều cũng phụ thuộc vào việc những thất bại tình báo và sự thổi phồng chính trị những bằng chứng tình báo này có gây tổn hại lâu dài đến uy tín của chính phủ Hoa Kỳ khi Hoa Kỳ tiếp cận các quốc gia khác để được giúp đỡ trong những trường hợp như Iran và Bắc Hàn, cũng như trong cuộc chiến tranh chống khủng bố hay không. Tuần báo Anh *The Economist* nhận định rằng, “Diệp viên phạm sai lầm, chính trị gia thổi phồng... Cuộc chiến tranh, theo nhận định của chúng tôi, đã được biện minh. Nhưng khi vận động sự ủng hộ, ông Bush và ông Blair đã không thẳng thắn với công chúng.”⁵⁵

Những người hồ nghi biện luận rằng các quốc gia cần hợp tác do quyền lợi của họ, vì vậy dù có mất đi quyền lực mềm cũng không phải chuyện to tát. Những người này quên mất một điều là hợp tác cũng có nhiều mức độ khác nhau, và mức độ đó phụ thuộc vào sự thu hút hay ghét bỏ. Họ cũng quên mất một điều là các thành tố phi quốc gia cũng như tổ chức khủng bố không phụ thuộc vào quan điểm của chính quyền. Vào năm 2002, trước khi xảy ra chiến tranh Iraq, đã có phản ứng trước chính sách cứng rắn của Hoa Kỳ tại bán đảo Triều Tiên, dẫn đến giảm sút nhiều - chỉ trong vòng ba năm - tỷ lệ dân chúng Hàn Quốc ủng hộ liên minh với Hoa Kỳ, từ 89% xuống còn 56%.⁵⁶ Điều đó sẽ đưa đến những khó khăn trong việc giải quyết tình trạng Bắc Triều Tiên vốn dĩ có nhiều rủi ro. Cho dù là tại Trung Đông hay Đông Á, quyền lực cứng và quyền lực mềm liên hệ chặt chẽ với nhau trong thế giới ngày nay.

Quyền lực trong kỷ nguyên thông tin toàn cầu

Ngày nay quyền lực trở nên khó nắm bắt hơn, ít cường chế hơn giữa các nền dân chủ tiên tiến so với trước đây. Nhưng đồng thời, thế giới ngày nay chưa có nhiều quốc gia dân chủ tiến bộ, và điều đó giới hạn sự chuyển hoá quyền lực trên thế giới. Ví dụ đa số các quốc gia châu Phi và Trung Đông vẫn còn duy trì nền kinh tế nông nghiệp tiền công nghiệp, các thể chế của họ còn non yếu, và chịu sự kiểm soát của chính quyền toàn trị. Các quốc gia thất bại như Somalia, Congo, Sierra Leone, và Liberia tạo cơ sở cho bạo lực. Những quốc gia lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil đang trong thời kỳ công nghiệp hoá và có thể sẽ đương đầu với những phân hoá mà các quốc gia phương Tây khác đã trải qua trong giai đoạn phát triển đầu thế kỷ thứ 20.⁵⁷ Trong thế giới đa dạng ngày nay, tất cả ba nguồn lực – quân sự, kinh tế và nguồn lực mềm - vẫn tỏ ra phù hợp, mặc dù với những mức độ khác nhau trong các mối quan hệ khác nhau. Tuy nhiên, nếu các xu thế kinh tế xã hội trong cuộc cách mạng thông tin vẫn tiếp diễn, quyền lực mềm sẽ trở nên quan trọng hơn.

Cuộc cách mạng thông tin và toàn cầu hoá kinh tế đang biến chuyển và làm thế giới ngày càng nhỏ bé. Với thời gian, công nghệ sẽ thâm nhập các quốc gia và dân tộc khác, và vị trí ưu việt của Hoa Kỳ sẽ suy giảm. Ngày nay, dân số nước Mỹ chỉ chiếm một phần hai mươi dân số toàn cầu, nhưng lại chiếm gần một nửa số người sử dụng Internet. Mặc dù tiếng Anh sẽ tiếp tục là ngôn ngữ chung, như tiếng La Tinh sau khi đế chế La Mã đã suy tàn, vào

một thời điểm nào đó trong tương lai, có thể là mười hay hai mươi năm, cộng đồng trên mạng cũng như kinh tế của châu Á sẽ rộng lớn hơn Mỹ. Quan trọng hơn nữa, cuộc cách mạng thông tin đang hình thành những cộng đồng và mạng lưới trên mạng vượt qua giới hạn biên giới giữa các nước. Các công ty đa quốc gia và các thành tố phi chính phủ (bao gồm cả tổ chức khủng bố) sẽ đóng vai trò lớn hơn. Đa số các tổ chức này sẽ có quyền lực mềm của chính họ, và các tổ chức này sẽ thu hút công dân tham gia vào các liên minh vượt ra khỏi giới hạn quốc gia. Chính trị sẽ phần nào trở nên một cuộc chiến giành giật tính hấp dẫn, tính chính danh và uy tín. Khả năng chia sẻ thông tin, và tạo sự tin cậy, sẽ trở thành nguồn lực quan trọng tạo nên tính hấp dẫn và quyền lực.

| | Hành vi | Phương tiện chính | Chính sách nhà nước |
|----------------------|-------------------------------|---|---|
| Quyền quân sự | Cưỡng chế Răn đe Bảo vệ | Hăm dọa Vũ lực | Ngoại giao cưỡng chế Chiến tranh Liên minh |
| Quyền kinh tế | Dụ dỗ Cưỡng ép | Mua chuộc Cấm vận | Viện trợ Hối lộ Cấm vận |
| Quyền mềm | Thu hút Lên nghị trình | Giá trị Văn hoá Chính sách Thể chế | Ngoại giao công chúng Ngoại giao đa phương và song phương |

Cuộc chơi chính trị này trong thời đại thông tin toàn cầu cho thấy vai trò của quyền lực mềm sẽ gia tăng. Những quốc gia có sức thu hút hơn, có nhiều quyền lực mềm hơn trong kỷ nguyên thông tin thường là những nước có nhiều kênh liên lạc để có thể định hình các vấn đề; có nền văn hoá và ý tưởng bao trùm gần gũi hơn với các chuẩn mực quốc tế thịnh hành (mà ngày nay tập trung vào chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa đa nguyên, và tự trị); và những nước mà uy tín của họ được nâng cao qua các chính sách và giá trị trong đối nội và đối ngoại. Những điều kiện này hàm ý cơ hội cho Hoa Kỳ, châu Âu và các quốc gia khác, như chúng ta sẽ thấy trong Chương 3.

Quyền lực mềm vốn trở nên ngày càng quan trọng hơn trong thời đại thông tin đa phần là một sản phẩm phụ về xã hội và chính trị hơn là đơn thuần chỉ là kết quả phát xuất từ hành động của chính quyền. Các thể chế phi lợi nhuận vốn có quyền lực mềm của riêng họ có thể làm phức tạp hóa hoặc ngăn cản những nỗ lực của nhà nước; những nhà thương mại cung cấp văn hóa đại chúng cũng có thể cản trở hoặc giúp đỡ chính quyền đạt được mục đích của mình. Những xu thế lâu dài và tổng quát có thể giúp cho nước Mỹ nếu họ biết sử dụng chúng. Nếu thật sự là các chính sách chính thức trong và ngoài nước phù hợp với các giá trị dân chủ, nhân quyền, cởi mở, và tôn trọng ý kiến người khác, Hoa Kỳ sẽ có lợi từ những xu thế trong thời đại thông tin toàn cầu này. Nhưng cũng có hiểm họa là Hoa Kỳ đánh mất đi thông điệp về các giá trị của họ nếu Hoa Kỳ tỏ ra ngạo mạn. Như chúng ta sẽ thấy

trong chương tiếp theo, văn hóa nước Mỹ, cả cao cấp và bình dân, vẫn giúp tạo ra quyền lực mềm trong thời đại thông tin, nhưng những hoạt động của chính phủ cũng quan trọng, thông qua các chương trình như Đài Tiếng nói Hoa Kỳ và học bổng Fullbright, nhưng, thậm chí quan trọng hơn, là khi các chính sách của chính phủ tránh được sự ngạo mạn và đại diện cho những giá trị mà người khác ngưỡng mộ. Những xu thế trong thời đại thông tin phát triển theo hướng có lợi cho Hoa Kỳ chỉ khi họ học được cách không dẫm chân lên các thông điệp của chính mình. Quyền lực thông minh có nghĩa là học cách biết cách kết hợp quyền lực cứng và mềm một cách thành thạo hơn.

Chú thích

1. Robert Dahl, *Who Governs: Democracy and Power in an American City* (New Haven: Yale University Press, 1961).
2. David Baldwin, "Power Analysis and World Politics: New Trends versus Old Tendencies," *World Politics*, 31, 2 (01/1979), trang 161-94.
3. Như trên, trang 164B.
4. A. J. P. Taylor, *The Struggle for Mastery in Europe, 1848-1918* (Oxford: Oxford University Press, 1954), trang xxix.
5. Lần đầu tiên tôi giới thiệu khái niệm này trong cuốn *Bound to Lead: the Changing Nature of American Power* (New York: Basic Books, 1990) Chương 2. Nó được xây dựng trên cái mà Peter Bachrach và Morton Baratz gọi là "bộ mặt thứ hai của quyền lực." Xem bài "Decision and Nondecisions: An Analytical Framework," *American Political Science Review* (09/1963), trang 632-42.
6. Tôi biết ơn Mark Moore đã vạch ra điều này.
7. Xem Jane J. Mansbridge, *Beyond Self-Interest* (Chicago: University of Chicago Press 1990).
8. Kinh tởm và căm ghét cũng khiến con người hành động, nhưng kết quả sinh ra thường không như người gây ra những cảm xúc này mong muốn. Trong khi có thể xem kinh tởm là một hình thức "quyền lực mềm tiêu cực," thuật ngữ này không đồng nhất với định nghĩa tôi đưa ra cho rằng quyền lực là khả năng tạo ra được kết quả mà mình mong muốn. Vì vậy, tôi dùng từ "kinh tởm" như là từ phản nghĩa của "hấp dẫn".
9. Hubert Védrine cùng Dominique Moisi, *France in an Age of Globalization* (Washington, D.C.: Brookings Institution Press, 2001) trang 3.
10. E. H. Carr, *The Twenty Years' Crisis, 1919-1939: An Introduction to the Study of International Relations* (New York: Harper & Row, 1964) trang 108.
11. John McCloy và Arthur Schlesinger, Jr., trích dẫn theo Mark Haefele, "John F. Kennedy, USIA, and World Public Opinion," *Diplomatic History* 25, I (Winter 2001), trang 66.

12. Như trên, trang 75. Xem thêm dữ liệu USIA trong Richard L. Merritt và Donald J. Puchala, *Western European Perspectives on International Affairs* (New York: Frederick A. Praeger, 1968) trang 513-38.
13. John P. Vloyantes, *Silk Glove Hegemony: Finnish-Soviet Relations, 1944-1974* (Kent, Ohio: Kent State University Press, 1975) dùng thuật ngữ “soft sphere of influence”.
14. Frank Buni, “A Nation That Exports Oil, Herring and Peace,” *New York Times*, 21/12/2002, trang A3.
15. Michael Ignatieff, “Canada in the Age of Terror – Multilateralism Meets a Moment of Truth,” *Options Politiques*, 02/2003, trang 16.
16. Jehangir Pocha, “The Rising Soft Power of India and China,” *New Perspective Quarterly* 20 (Winter 2003), trang 9.
17. Joseph Joffe, “Who’s Afraid of Mr. Big?” *The National Interest*, Summer 2001, trang 43.
18. Niall Ferguson, “Think Again: Power,” *Foreign Policy*, 01-02/2003.
19. Neal M. Rosendorf, “Social and Cultural Globalization: Concepts, History and America’s Role,” trong Joseph Nye và John D. Donahue, eds., *Governance in a Globalizing World* (Washington, D.C.: Brookings Institution Press, 2000), trang 123.
20. Todd Gitlin, “Taking the World by (Cultural) Force,” *The Straits Times*, Singapore, 11/01/1999, trang 2.
21. Elisabeth Rosenthal, “Chinese Test New Weapon from West: Lawsuits,” *New York Times*, 16/06/2001, trang A3.
22. Pew Global Attitudes Project, *View of a Changing World June 2003*, (Washington, D.C.: Pew Research Center for the People and the Press, 2003) trang 22-23.
23. Xem ví dụ trước đó trong John R. P. French và Bertram Raven, “Bases of Social Power,” trong Dorwin Cartwright và Alvin Zander, eds., *Group Dynamics: Research and Theory*, 3rd ed. (New York: Harper & Row, 1968) trang 259-69.
24. Điều này dựa trên sự phân biệt do Arnold Wolfers đưa ra đầu tiên trong *Discord and Collaboration: Essays on International Politics* (Baltimore: John Hopkins University Press, 1962).
25. Như trên.
26. Milos Forman, “Red Spring Episode 14: the Sixties,” phỏng vấn, có tại <http://www.gwu.edu/~nsarchiv/coldwar/interviews/episode-14/formanI.html> (không còn). Trích dẫn theo Matthew Cohut, “The Role of American Soft Power in the Democratization of Czechoslovakia,” bài chưa in, 04/2003.
27. Điều này có thay đổi cùng với sự phát tán của vũ khí hạt nhân tại nhiều quốc gia hay không là chủ đề tranh cãi nóng bỏng giữa các lý thuyết gia. Sự răn đe có thể thực hiện được với đa phần các quốc gia, nhưng triển vọng xảy ra tai nạn hay mất quyền kiểm soát cũng gia tăng. Xem quan điểm của tôi qua Joseph Nye, *Nuclear Ethics* (New York: Free Press, 1986).

28. John Meuller, *Retreat from Doomsday: The Obsolescence of Major War* (New York: Basic Books, 1989).
29. Robert Cooper, *The Postmodern State and the World Order* (London: Demos, 2000) trang 22.
30. Robert Kagan, *Of Paradise and Power* (New York, Knopf, 2003).
31. Thomas Friedman, *The Lexus and the Olive Tree: Understanding Globalization* (New York: Farrar Strau and Giroux, 1999), chương 6.
32. Richard N. Rosecrance, *The Rise of the Trading State* (New York: Basic Books, 1986) trang 16, 160.
33. John Arquilla và David Ronfeldt, *The Emergence of Neopolitik: Toward an American Information Strategy* (Santa Monica: RAND Corporation, 1999), trang 42.
34. National Research Council, *Making the Nation Safer* (Washington, D.C.: National Academies Press, 2002), trang 25.
35. Về chi tiết xin xem Joseph Nye, *The Paradox of American Power* (New York: Oxford University Press, 2002), chương 2.
36. Walter Laquer, "Left, Right and Beyond: The Changing Face of Terror," trong James Hoge và Gideon Rose, eds., *How Did This Happen?* (New York: Public Affairs, 2001), trang 74.
37. Haefele, "John F. Kennedy, USIA, and World Public Opinion," trang 78.
38. Cathy Horyn, "Macho America Storms Europe's Runways," *New York Times*, 03/07/2003, trang I.
39. Trích trong "Special Report Al Qaeda," *The Economist*, 08/03/2003, trang 25.
40. Evan Thomas, "Road to War," *Newsweek*, 21/03/2003, trang 60.
41. William Kristol và Lawrence Kaplan, *The War Over Iraq: Saddam's Tyranny and America's Mission* (San Francisco: Encounter Books, 2003), trang 112.
42. Charles Krauthammer, "The French Challenge," *Washington Post*, 21/02/2003, trang 27.
43. Robert A. Pape, "The World Pushes Back," *Boston Sunday Globe*, 23/03/2003, trang H1.
44. Fareed Zakaria, "And Now, Global Booby Prizes," *Newsweek*, 29/09/2003, trang 13.
45. Lael Brainard và Michael O'Hanlon, "The Heavy Price of America's Going It Alone," *Financial Times*, 06/08/2003, trang 13.
46. Paul Richter, "U.S. Enlists More Countries in Iraq, at Taxpayers' Expense," *Los Angeles Times*, 22/06/2003, trang 3.
47. David Gelertner, "Replacing the United Nations to Make Way for the Big Three," *Weekly Standard*, 17/03/2003.
48. Jennifer Lee, "How Protesters Mobilized So Many and So Nimbly," *New York Times*, 23/02/2003, The Week in Review, trang 4.

49. Để hiểu các quan điểm khác nhau về nội dung của nó, xin xem “What Is the International Community?” *Foreign Policy*, 09/2002.
50. Bill Keller, “Does Not Play Well with Others,” *New York Times*, 22/06/2003, Book Review, trang 9.
51. Mustafa al-Feqi được trích dẫn theo Susan Sachs, “Arab Foreign Ministers Urge US Withdrawal,” *New York Times*, 25/03/2003, trang B11.
52. “US Invasion Pushes Pakistani Elite Closer to Hardline Islam,” *Financial Times*, 28/03/2003, trang 1.
53. Don Van Natta, Jr. và Desmond Butler, “Anger on Iraq Seen as New Qaeda Recruiting Tool,” *New York Times*, 16/03/2003, trang 1. Kết luận của họ được củng cố qua sự đánh giá của các tác giả bản báo cáo “Strategic Balance” (London: International Institute of Strategic Studies, 2003).
54. Pew Global Attitudes Project, *Views of a Changing World*.
55. “Wielder of Mass Deception?” *The Economist*, 04/10/2003, trang 13.
56. Seung Hwan Kim, “Anti-Americanism in Korea,” *The Washington Quarterly*, Winter 2002-03, trang 116.
57. Xem Cooper, Postmodern State, và Daniel Bell, *The Coming of Post-Industrial Society: A Venture in Social Forecasting* (1976: paperback edition with new foreword: New York: Basic Books, 1999), lời giới thiệu, những nơi khác.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.